

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2015

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN**

**Sinh viên** :Đinh Thị Thu Huyền

**Giảng viên hướng dẫn:** ThS.Trần Thị Thanh Phương

**HẢI PHÒNG - 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI  
NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI  
THÁC VÀ DỊCH VỤ KHAI THÁC THỦY SẢN HẠ LONG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đinh Thị Thu Huyền**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương**

**HẢI PHÒNG - 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Đinh Thị Thu Huyền Mã SV: 1512401083  
Lớp : QT1901K Ngành: Kế toán – Kiểm toán  
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua,  
người bán tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác  
thủy sản Hạ Long.

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

✓ Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long.

✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

✓ Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.

✓ Quy chế, quy định về kế toán - tài chính tại doanh nghiệp

✓ Hệ thống sổ sách kế toán liên quan đến công tác kế toán thanh toán tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long, sử dụng số liệu năm 2018 phục vụ công tác.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

**Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long.**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 409 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	2
1.1 Khái niệm phương thức thanh toán và hình thức thanh toán: .....	2
1.2 Nội dung kế toán thanh toán với người mua. ....	4
1.2.1 Nguyên tắc thanh toán với người mua. ....	4
1.2.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua. ....	5
1.2.3. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua: .....	7
1.3 Nội dung kế toán thanh toán với người bán.....	12
1.3.1 Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán .....	12
1.3.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán. ....	13
1.3.3 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.....	15
1.4 Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.....	21
1.4.1. Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán.....	21
1.4.2 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ. ....	21
1.5 Sự cần thiết của kế toán thanh toán với người mua, người bán.....	24
1.6 Nhiệm vụ của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán. ....	25
1.7. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung. ....	26
1.7.1 Nguyên tắc ghi sổ Nhật Ký Chung. ....	26
1.7.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung.....	26
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ DỊCH VỤ KHAI THÁC THỦY SẢN HẠ LONG</b> .....	28
2.1 Khái quát về Công ty cổ phần khai thác và Dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long.....	28
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty .....	28
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	28
2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động. ....	28
2.1.4 Mô hình công tác bộ máy quản lý của công ty .....	29
2.1.5 Đặc điểm công tác công tác kế toán của công ty. ....	30
2.1.5.1 Mô hình công tác bộ máy kế toán của công ty. ....	30

2.1.5.2 Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty. ....	31
2.2 Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long.....	33
2.2.1 Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty: .....	33
2.2.2 Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long. ....	34
2.2.3 Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty. ....	45
<b>CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ DỊCH VỤ KHAI THÁC THỦY SẢN HẠ LONG.....</b>	<b>55</b>
3.1 Đánh giá thực trạng thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long. ....	55
3.1.1. Ưu điểm. ....	55
3.1.2 Hạn chế.....	56
3.2 Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long.....	57
3.2.1 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán. ....	57
3.2.2 Nội dung và các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần khai thác và DV khai thác thủy sản Hạ Long.....	58
3.2.2.1 Giải pháp 1: Lập biên bản đối chiếu công nợ cho từng khách hàng.....	58
3.2.2.2 Giải pháp 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán. ....	61
3.2.2.3 Giải pháp 3: Lập dự phòng phải thu khó đòi. ....	62
3.2.2.4 Giải pháp 4: Sử dụng phần mềm kế toán. ....	67
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>72</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>74</b>

## **DANH MỤC SƠ ĐỒ**

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua theo TT200/2014/TT-BTC.....	11
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.....	20
Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức nhật ký chung.....	27
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ công tác bộ máy quản lý của công ty .....	29
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ công tác bộ máy kế toán của công ty .....	30
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	32
Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long” .....	34
Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại công ty CP khai thác và Dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long .....	45
Sơ đồ 3.1: Sơ đồ trình tự hạch toán chiết khấu thanh toán. ....	61
Sơ đồ 3.2: sơ đồ trình tự hạch toán dự phòng phải thu khó đòi TT200.....	64

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 1: Hóa đơn GTGT số 0000520 .....	36
Biểu số 2: Hóa đơn GTGT số 0000567. ....	37
Biểu số 3: Phiếu thu .....	38
Biểu số 4: Giấy báo có của ngân hàng .....	39
Biểu số 5: trích sổ nhật ký chung .....	40
Biểu số 6: Trích sổ cái TK 131 .....	41
Biểu số 7: Trích sổ chi tiết phải thu khách hàng.....	42
Biểu số 8: Trích sổ chi tiết phải thu khách hàng.....	43
Biểu số 9: Trích bảng tổng hợp phải thu khách hàng. ....	44
Biểu số 10: Hóa đơn GTGT số 0000947. ....	46
Biểu số 11: Hóa đơn GTGT số 0000480 .....	47
Biểu số 12: Ủy nhiệm chi.....	48
Biểu số 13: Ủy nhiệm chi.....	49
Biểu số 14: Trích sổ Nhật ký chung.....	50
Biểu số 15: Sổ cái tài khoản 331 .....	51
Biểu số 16: Sổ chi tiết phải trả người bán:.....	52
Biểu số 17: Trích bảng tổng hợp phải trả người bán .....	54
Biểu số 18: Báo cáo tình hình công nợ năm 2018. ....	65
Biểu số 19: Bảng trích lập dự phòng năm 2018.....	66



**LỜI MỞ ĐẦU**

Trong nền kinh tế mở cửa hội nhập với nền kinh tế thế giới, ở nước ta hiện nay, thành phần các doanh nghiệp ngày càng đa dạng hơn, phong phú hơn. Đặc biệt, trong một vài năm trở lại đây, số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại hàng hóa tăng với mức độ đáng kể. Các doanh nghiệp này muốn khẳng định vị thế của mình, muốn hoạt động có hiệu quả, đem lại lợi nhuận cao, một điều tất yếu là các doanh nghiệp đó phải nắm bắt và quản lý tốt quá trình lưu thông hàng hóa của chính doanh nghiệp mình từ khâu mua tới khâu bán. Hàng hóa là khâu chủ chốt đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, cũng như các đơn vị thương mại, đặc biệt là trong nền kinh tế mở cửa hiện nay thì việc đẩy mạnh tốc độ mua bán hàng hóa là việc sống còn của tất cả các đơn vị. Bên cạnh đó, mối quan hệ thanh toán giữa doanh nghiệp với các đơn vị, cá nhân trong và ngoài doanh nghiệp về các khoản phải thu, phải trả cho khách hàng, người bán (trong quá trình mua bán hàng hóa) cũng được chú trọng. Có thể nói, kế toán mua bán hàng hóa và thanh toán đóng vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng của hạch toán kế toán nói chung và hạch toán kế toán mua, bán hàng hóa và thanh toán nói riêng trong doanh nghiệp, cùng với những kiến thức đã được học trên ghế nhà trường qua quá trình tìm hiểu thực trạng kế toán mua, bán hàng hóa và thanh toán đã giúp em có nhiều điều kiện tiếp cận thực tế, vận dụng được những kiến thức đã học để hiểu rõ thêm kiến thức thực tiễn công tác kế toán mua, bán hàng hóa và thanh toán nói riêng và kế toán nói chung tại Công ty. Do đó, em đã chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long”**. Do trình độ và thời gian có hạn nên trong báo cáo này không thể tránh những thiếu sót và hạn chế vì vậy em mong nhận được sự chỉ bảo và giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn và tập thể cán bộ công ty để em có thể hoàn thiện bài báo cáo và bổ sung thêm kiến thức thực tế cho mình.

## CHƯƠNG 1

### LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP

#### 1.1 Khái niệm phương thức thanh toán và hình thức thanh toán:

❖ **Khái niệm thanh toán:** Là sự chuyển giao tài sản của một bên (cá nhân hoặc công ty, công tác) cho bên kia, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc về mặt pháp lý.

❖ **Phương thức thanh toán:** Là cách thức, phương pháp nhằm thực hiện nghĩa vụ về tài sản. Phương thức thanh toán có thể thực hiện bằng các hình thức khác nhau như: Trả bằng tiền mặt, thanh toán qua ngân hàng, séc, thư tín dụng, thanh toán bằng hiện vật hay có sự thỏa thuận của các bên.

+ Có hai phương thức thanh toán: Thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm.

- Thanh toán trực tiếp: sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thương mại thanh toán ngay bằng tiền cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng tiền cán bộ tạm ứng hay bằng tiền chuyển khoản....

- Thanh toán trả chậm: Là khi doanh nghiệp đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán. Việc này có thể được thực hiện theo điều kiện tín dụng ưu đãi theo thỏa thuận.

❖ **Hình thức thanh toán:** Là các quy định về một cách thức trả tiền, có sự liên kết với các yếu tố trong quá trình thanh toán. Gồm hai hình thức: Thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

➤ Thanh toán bằng tiền mặt gồm những loại thanh toán như: thanh toán bằng tiền Việt Nam, bằng ngoại tệ, hối phiếu ngân hàng và các loại giấy tờ có giá trị như tiền... đây là các hình thức thanh toán giữa hai bên. Khi nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ... thì bên mua xuất quỹ tiền mặt ở quỹ để trả trực tiếp cho người bán. Hình thức thanh toán này trên thực tế thường được áp dụng trong thanh toán cho công nhân viên hay trong các giao dịch mua bán nhỏ, lẻ.

➤ Thanh toán không bằng tiền mặt: Là cách thức thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ không có sự xuất hiện của tiền mặt mà được tiến hành bằng cách trích tiền từ tài khoản của người chi trả chuyển vào tài khoản của người được trả hoặc bằng cách bù trừ lẫn nhau thông qua vai trò trung gian của các công tác tín dụng. Và do đó có thêm 1 hình thái nữa của tiền đó là tiền ghi sổ (hay còn gọi là tiền bút toán).

+ Các hình thức của thanh toán không bằng tiền mặt gồm: Séc thanh toán, thanh toán bằng ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, thanh toán bằng thư tín dụng- L/C...

✓Séc thanh toán là 1 lệnh vô điều kiện thể hiện dưới dạng chứng từ của người chủ tài khoản, ra lệnh cho Ngân hàng trích từ tài khoản của mình để trả cho người có tên trong séc hoặc trả theo lệnh của người ấy hoặc trả cho người cầm séc một số tiền nhất định bằng tiền mặt hay chuyển khoản. Ở Việt Nam séc được đưa vào sử dụng theo quyết định của ngân hàng số 57/NHQĐ ngày 24/6/1987. Séc thanh toán gồm có: Séc chuyển khoản, Séc được bảo chi, Séc được bảo lãnh.

✓Thanh toán bằng ủy nhiệm thu: Ủy nhiệm thu là hình thức mà chủ tài khoản ủy nhiệm cho ngân hàng thu hộ một số tiền từ khách hàng hoặc các đối tượng khác.

✓Thanh toán bằng ủy nhiệm chi: là lệnh của người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do Ngân hàng quy định, gửi cho ngân hàng nơi mình mở tài khoản yêu cầu trích ra một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người được thụ hưởng.

Ủy nhiệm chi phải do khách hàng lập, ký và chỉ căn cứ vào lệnh đó để trích tiền từ tài khoản khách hàng chuyển trả cho đơn vị thụ hưởng. Việc Ngân hàng tự động trích tài khoản của khách hàng là không được phép trừ trường hợp đã có thỏa thuận bằng văn bản.

✓Thanh toán bằng thư tín dụng- L/C: theo hình thức này khi mua hàng, bên mua phải lập một khoản tín dụng tại ngân hàng để đảm bảo khả năng thanh toán cho bên bán. Khi giao hàng xong, ngân hàng của bên bán. Hình thức này áp dụng cho các đơn vị khác địa phương, không tín nhiệm lẫn nhau. Trong thực tế, hình thức này ít được sử dụng thanh toán nội bộ nhưng lại phát huy tác dụng và được sử dụng phổ biến trong thanh toán quốc tế, với đồng tiền thanh toán chủ yếu là ngoại tệ.

✓Thanh toán bằng thẻ tín dụng: là một phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt mà người chủ thẻ có thể sử dụng để rút tiền mặt hoặc thanh toán tiền mua hàng hoá, dịch vụ tại các điểm chấp nhận thanh toán bằng thẻ.

✓Thư tín dụng nội địa là một trong các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt khá phổ biến hiện nay. Thư tín dụng nội địa định nghĩa là một văn bản pháp lí được phát hành bởi một công tác tài chính nhằm cung cấp một sự đảm bảo trả tiền cho một người thụ hưởng trên cơ sở người thụ hưởng phải đáp ứng

các điều khoản trong tín dụng thư. So với nhiều nước phát triển thì tại Việt Nam các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt này chỉ mới xuất hiện và còn rất nhiều bất cập trong quá trình sử dụng.

## **1.2 Nội dung kế toán thanh toán với người mua.**

### **1.2.1 Nguyên tắc thanh toán với người mua.**

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ. Tài khoản này còn dùng để phản ánh các khoản phải thu của người nhận thầu XDCCB với người giao thầu về khối lượng công tác XDCCB đã hoàn thành. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ thu tiền ngay.

- Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hoá, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

- Bên giao ủy thác xuất khẩu ghi nhận trong tài khoản này đối với các khoản phải thu từ bên nhận ủy thác xuất khẩu về tiền bán hàng xuất khẩu như các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ thông thường.

- Trong hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.

- Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ theo thoả thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hoá, BĐS đầu tư đã giao, dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thoả thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

- Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải thu bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

+ Khi phát sinh các khoản nợ phải thu của khách hàng (bên Nợ tài khoản 131), kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán). Riêng trường hợp nhận trước của người mua, khi đủ điều kiện

ghi nhận doanh thu thì bên Nợ tài khoản 131 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã nhận trước;

+ Khi thu hồi nợ phải thu của khách hàng (bên Có tài khoản 131) kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ (Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua thì bên Có tài khoản 131 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá ghi vào bên Nợ tài khoản tiền) tại thời điểm nhận trước;

+ Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

### **1.2.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua.**

#### **a) Chứng từ sử dụng:**

- Hợp đồng bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu: 01-TT
- Hóa đơn GTGT: Mẫu số 01GTKT3/001
- Giấy báo có ngân hàng
- Biên bản bù trừ công nợ
- Giấy nộp tiền
- Biên bản thanh lý hợp đồng
- Các chứng từ có liên quan khác.

#### **b) Sổ sách sử dụng.**

- Sổ chi tiết phải thu của khách hàng.
- Sổ tổng hợp phải thu của khách hàng.
- Sổ cái tài khoản 131

#### **c) Tài khoản sử dụng.**

**- Tài khoản 131: Phải thu của khách hàng**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ. Tài khoản này còn dùng để phản ánh các khoản phải thu của người nhận thầu XD CB với người giao thầu về khối lượng công tác XD CB đã hoàn thành. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ thu tiền ngay.

**Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 131: Phải thu của khách hàng**

<b>Bên Nợ</b>	<b>Bên Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính ;</li> <li>- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.</li> <li>- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số tiền khách hàng đã trả nợ;</li> <li>- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng;</li> <li>- Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại;</li> <li>- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT);</li> <li>- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua.</li> <li>- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).</li> </ul>
<p><b>Số dư bên Nợ:</b></p> <p>Số tiền còn phải thu của khách hàng.</p>	<p><b>Số dư bên Có (nếu có):</b></p> <p>Phản ánh số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.</p>

**Chú ý:** Khi lập Bảng Cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản 131 để ghi cả hai chỉ tiêu bên "Tài sản" và bên "Nguồn vốn".

### **1.2.3 Phương pháp kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua:**

#### **a) Kế toán hàng bán chưa thu được tiền ngay:**

Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền (kể các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác), kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:

-Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi:

Nợ TK 131: Phải thu của khách hàng (tổng giá thanh toán)

Có TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp DV(giá chưa có thuế)

Có TK 333: Thuế và các khoản phải nộp.

-Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

#### **b) Kế toán hàng bán bị khách hàng trả lại:**

Nợ TK 5213: Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế)

Nợ TK 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, chi tiết cho từng loại thuế)

Có TK 131: Phải thu của khách hàng.

#### **c) Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán**

-Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu, giảm giá (ghi nhận theo doanh thu thuần) và không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá;

Trường hợp trên hóa đơn bán hàng chưa thể hiện số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán do khách hàng chưa đủ điều kiện để được hưởng hoặc chưa xác định được số phải chiết khấu, giảm giá thì doanh thu ghi nhận theo giá chưa trừ chiết khấu (doanh thu gộp). Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì kế toán phải ghi nhận riêng khoản chiết khấu giảm giá để định kỳ điều chỉnh giảm doanh thu gộp, ghi:

Nợ TK 521: Các khoản giảm trừ DT (5211, 5212)(giá chưa có thuế)

Nợ TK 333: Thuế và các khoản phải nộp (số thuế của hàng giảm giá, chiết khấu thương mại)

Có TK 131: Phải thu của khách hàng (tổng số tiền giảm giá).

**d) Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua** do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 111: Tiền mặt

Nợ TK 112: Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 635: Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131: Phải thu của khách hàng.

**đ) Trường hợp khách hàng ứng trước tiền mua hàng**

Nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi của số nợ - nếu có), ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi).

Trường hợp nhận ứng trước bằng ngoại tệ thì bên Có TK 131 ghi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận tiền ứng trước (tỷ giá mua của ngân hàng nơi thực hiện giao dịch)

**e) Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng hóa:** (theo phương thức hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá nhận trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153: Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156: Hàng hóa

Nợ TK 611: Mua hàng (hàng tồn kho kế toán theo phương pháp KKĐK)

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131: Phải thu của khách hàng.

**g) Trường hợp đặc biệt nợ phải thu khó đòi:** Phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xoá sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xoá nợ, ghi:

Nợ TK 229: Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp (số chưa lập dự phòng)



Có TK 131: Phải thu của khách hàng.

**h)** Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

**j)** Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, kế toán căn cứ vào chứng từ phản ánh doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành (không phải hóa đơn) do nhà thầu tự xác định, ghi:

Nợ TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

**k)** Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  
Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131- Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay các bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (như sự chậm trễ, sai sót của khách hàng và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

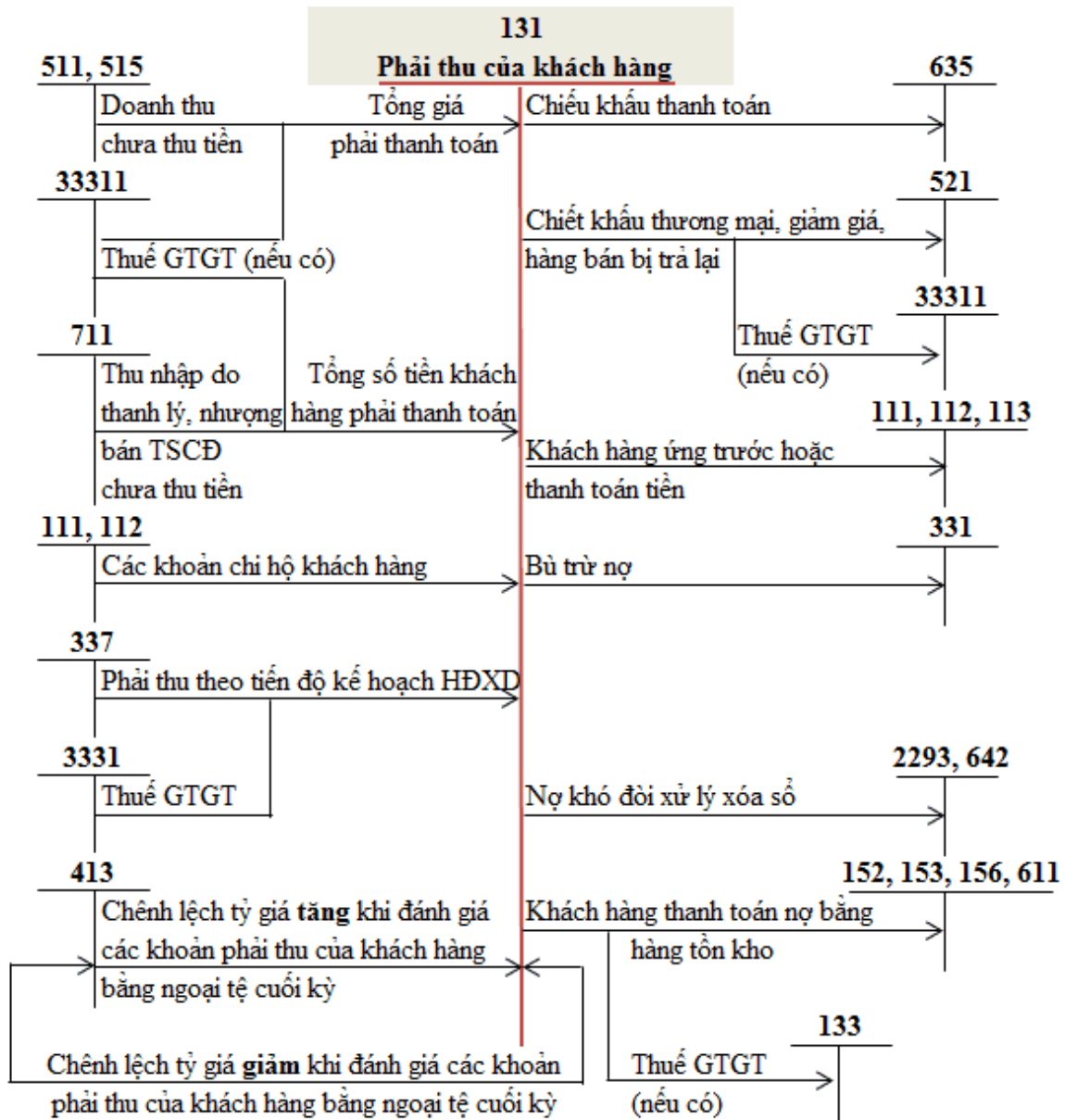
- Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua theo TT200/2014/TT-BTC

KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG



**1.3 Nội dung kế toán thanh toán với người bán****1.3.1 Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán**

- Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tài khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua trả tiền ngay.

- Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

- Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải trả bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

+ Khi phát sinh các khoản nợ phải trả cho người bán (bên có tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch). Riêng trường hợp ứng trước cho nhà thầu hoặc người bán, khi đủ điều kiện ghi nhận tài sản hoặc chi phí thì bên Có tài khoản 331 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã ứng trước.

+ Khi thanh toán nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng chủ nợ (Trường hợp chủ nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động các giao dịch của chủ nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho nhà thầu hoặc người bán thì áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá bán của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch) tại thời điểm ứng trước;

+ Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả cho người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các đơn vị trong tập đoàn được áp

dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

- Bên giao nhập khẩu ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhận nhập khẩu ủy thác như khoản phải trả người bán thông thường.

- Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

- Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

### **1.3.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán.**

a) Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn mua hàng
- Biên bản kiểm nghiệm: Mẫu số 03- VT
- Phiếu nhập kho: Mẫu số 01- VT
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Biên bản thanh lý hợp đồng: Mẫu số 09- LĐTL
- Các chứng từ liên quan khác

b) Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 331 của từng khách hàng
- Sổ tổng hợp TK 331
- Sổ cái TK 331
- Biên bản đối chiếu công nợ

c) Tài khoản sử dụng: Tài khoản 331- Phải trả cho người bán

Kết cấu tài khoản 331: phải trả người bán

<b>Bên nợ</b>	<b>Bên có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp;</li> <li>- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao;</li> <li>- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng;</li> <li>- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán;</li> <li>- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán;</li> <li>- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp;</li> <li>- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức;</li> <li>- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).</li> </ul>
<p><b>Số dư bên Nợ (nếu có):</b></p> <p>Số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể.</p>	<p><b>Số dư bên có:</b></p> <p>Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.</p>

**Chú ý:** Khi lập Bảng Cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

**1.3.3 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.**

a) Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc khi mua TSCĐ:

✓ Trường hợp mua trong nội địa, ghi:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213 (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

✓ Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

b) Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

✓ Trường hợp mua trong nội địa:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán)

✓ Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng.

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

c) Trường hợp đơn vị có thực hiện đầu tư XDCB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp, hoá đơn khối lượng xây lắp hoàn thành:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241 - XDCB dở dang (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị đầu tư XDCB bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

d) Khi ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112, 341,...

- Trường hợp phải thanh toán cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

- Trường hợp đã ứng trước tiền cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán ghi nhận giá trị đầu tư XDCB tương ứng với số tiền đã ứng trước theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước. Phần giá trị đầu tư XDCB còn phải thanh toán (sau khi đã trừ đi số tiền ứng trước) được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (tỷ giá giao dịch thực tế)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế thấp hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền)

Có các TK 111, 112, ... (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế cao hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền).



e) Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

g) Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển hàng hoá, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hóa (1562)

Nợ TK 241 - XD/CB dở dang

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước

Nợ các TK 623, 627, 641, 642, 635, 811

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

h) Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

i) Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 152, 153, 156, 611,...

k) Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 711 - Thu nhập khác.

l) Đối với nhà thầu chính, khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ theo

hợp đồng kinh tế đã ký kết, căn cứ vào hóa đơn, phiếu giá công trình, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành và hợp đồng giao thầu phụ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng số tiền phải trả cho nhà thầu phụ gồm cả thuế GTGT đầu vào).

m) Trường hợp doanh nghiệp nhận bán hàng đại lý, bán đúng giá, hưởng hoa hồng.

- Khi nhận hàng bán đại lý, doanh nghiệp chủ động theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

- Khi bán hàng nhận đại lý, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131,... (tổng giá thanh toán)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (giá giao bán đại lý + thuế).

Đồng thời doanh nghiệp theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý đã xuất bán trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

- *Khi xác định hoa hồng đại lý được hưởng, tính vào doanh thu hoa hồng về bán hàng đại lý, ghi:*

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (nếu có).

- *Khi thanh toán tiền cho bên giao hàng đại lý, ghi:*

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (giá bán trừ (-) hoa hồng đại lý)

Có các TK 111, 112,...

n) Kế toán phải trả cho người bán tại đơn vị giao uỷ thác nhập khẩu:

- Khi trả trước một khoản tiền uỷ thác mua hàng theo hợp đồng uỷ thác nhập khẩu cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu mở LC... căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác)

*Có các TK 111, 112,...*

- Khi nhận hàng uỷ thác nhập khẩu do bên nhận uỷ thác giao trả, kế toán thực hiện như đối với hàng nhập khẩu thông thường.

- Khi trả tiền cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu về số tiền hàng nhập khẩu và các chi phí liên quan trực tiếp đến hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác)

*Có các TK 111, 112,...*

- Phí uỷ thác nhập khẩu phải trả đơn vị nhận uỷ thác được tính vào giá trị hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 156, 211,...

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

*Có TK 331- Phải trả cho người bán(chi tiết từng đơn vị nhận ủy thác).*

- Việc thanh toán nghĩa vụ thuế đối với hàng nhập khẩu thực hiện theo quy định của TK 333 - Thuế và khoản phải nộp Nhà nước.

- Đơn vị nhận ủy thác không sử dụng tài khoản này để phản ánh các nghiệp vụ thanh toán ủy thác mà phản ánh qua các TK 138 và 338.

o) Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

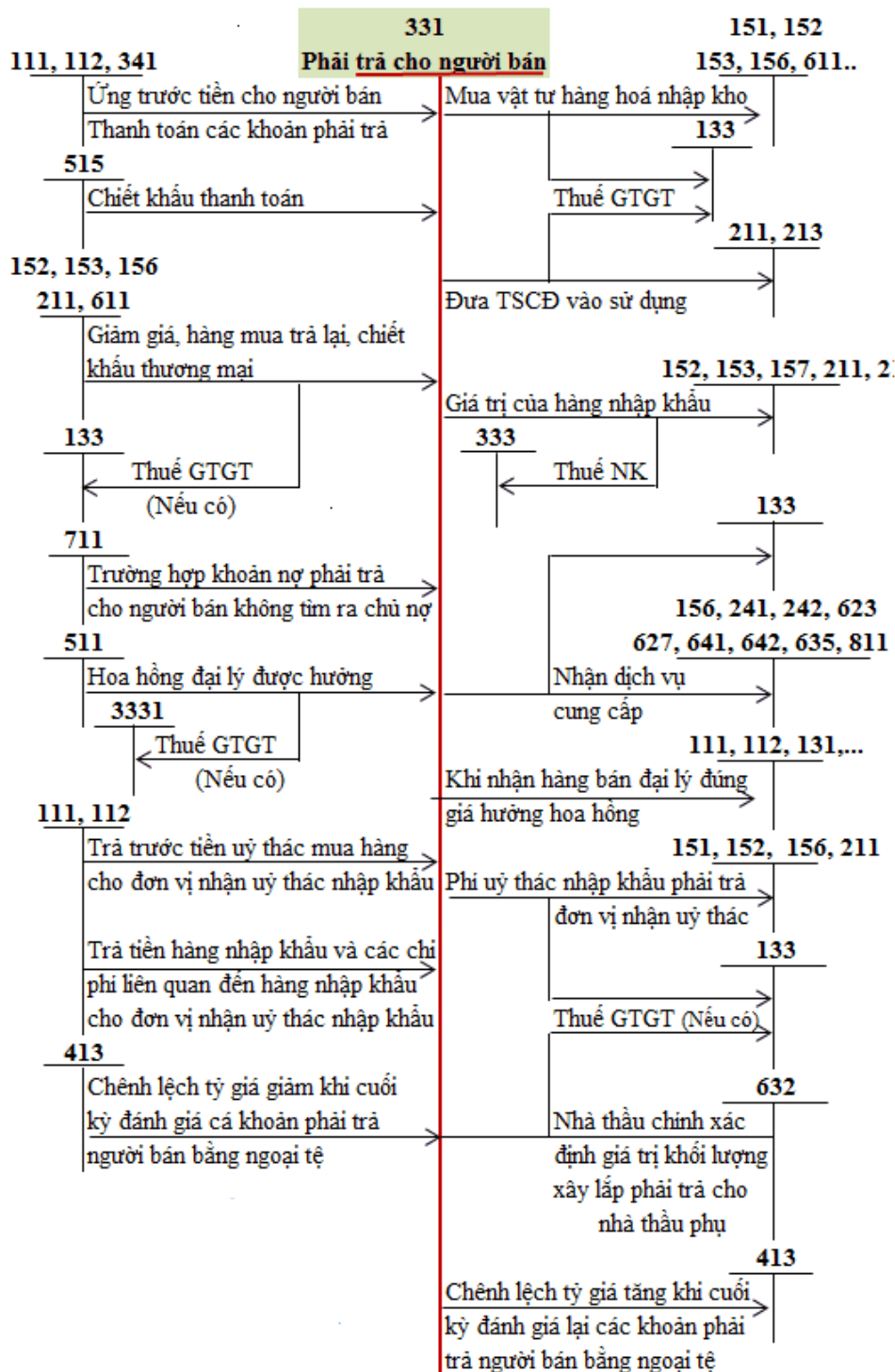
- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán

KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN



## **1.4 Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.**

### **1.4.1 Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán.**

- ✓ Tỷ giá hối đoái được hiểu là giá của một đơn vị ngoại tệ tính theo đồng nội tệ. Đây chính là giá của ngoại tệ trên thị trường và được xác định dựa trên quan hệ cung cầu về ngoại tệ.
  - ✓ Quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán:
    - Khi doanh nghiệp thực hiện giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra một đơn vị tiền tệ thống nhất mà đơn vị mình sử dụng (USD). Việc quy đổi phải căn cứ vào tỷ giá của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố để ghi sổ.
    - Trong kế toán sử dụng loại tỷ giá: tỷ giá giao dịch, tỷ giá xuất và tỷ giá ghi nhận nợ.
      - + Tỷ giá giao dịch hay còn gọi là tỷ giá thực tế (là tỷ giá do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm các nghiệp vụ kinh tế phát sinh), tỷ giá này được sử dụng khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới doanh thu, chi phí hàng tồn kho, TSCĐ, khi tăng tiền mặt, tiền gửi hoặc ghi tăng công nợ là ngoại tệ.
      - + Tỷ giá xuất là tỷ giá ghi trên sổ kế toán trước thời điểm thanh toán, tỷ giá này được sử dụng đối với các trường hợp giảm vốn bằng tiền là ngoại tệ và được tính theo phương pháp bình quân, FIFO hoặc đích danh.
      - + Tỷ giá ghi nhận nợ là tỷ giá được ghi chép trên sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch mua bán, tỷ giá này được sử dụng trong trường hợp ghi giảm công nợ là ngoại tệ.
- Cuối năm tài chính, kế toán phải tiến hành đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đó.

### **1.4.2 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ.**

a) Đối với giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng:

- Trường hợp khách hàng trả chậm hoặc thanh toán ngay:

+ Kế toán ghi nhận doanh thu bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ theo tỷ giá thực tế của ngày giao dịch là tỷ giá mua của NHTM nơi DN chỉ định khách hàng thanh toán:

Nợ TK 1112/ 1122/ 131

Có TK 511

+ Khi khách hàng thanh toán, kế toán ghi:

Nợ TK 1112/ 1122: Theo tỷ giá thực tế ngày thanh toán

Nợ TK 635: Chênh lệch lỗ tỷ giá

Có TK 515: Chênh lệch lãi tỷ giá

Có TK 131: Theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh ngày bán hàng

- Trường hợp khách hàng đã ứng trước tiền hàng:

+ Khi nhận tiền ứng trước của khách hàng, kế toán ghi theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi DN chỉ định khách hàng thanh toán

Nợ TK 1112/ 1122

Có TK 131

+ Khi giao hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ cho khách hàng tương ứng với số tiền ứng trước, kế toán ghi nhận doanh thu, thu nhập theo đúng tỷ giá đã ghi sổ tại thời điểm nhận trước tiền của người mua.

Nợ TK 131/Có TK 511

+ Khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng đã ứng trước một phần tiền hàng, ta cần xác định được doanh thu tương ứng với giá trị đã ứng trước để ghi nhận theo đúng tỷ giá đã ghi ngày nhận trước tiền còn doanh thu tương ứng phần chưa ứng trước sẽ sử dụng tỷ giá thực tế ngày giao dịch là tỷ giá mua tại ngân hàng mà DN chỉ định khách hàng thanh toán.

- Trường hợp bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ có phát sinh thuế xuất khẩu. Do thuế xuất khẩu sẽ phải áp dụng tỷ giá do hải quan quy định nên phương pháp hạch toán sẽ có một vài điểm khác biệt như sau:

+ Đối với trường hợp khách hàng thanh toán ngay hoặc trả chậm:

Nợ TK 1112/ 1122/ 131: Tỷ giá mua của NHTM

Nợ TK 635: Chênh lệch lỗ tỷ giá

Có TK 515: Chênh lệch lãi tỷ giá

Có TK 511: Tỷ giá mua của NHTM

Có TK 3333: Tỷ giá hải quan quy định

+ Đối với trường hợp khách hàng đã ứng trước tiền hàng:

Nợ TK 131: Tỷ giá đã ghi sổ tại thời điểm nhận trước tiền

Nợ TK 635: Chênh lệch lỗ tỷ giá

Có TK 515: Chênh lệch lãi tỷ giá

Có TK 511: Tỷ giá đã ghi sổ tại thời điểm nhận trước

Có TK 3333: Tỷ giá hải quan quy định

- Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ căn cứ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh ghi:

Nợ TK 131: Tỷ giá giao dịch thực tế tại ngay giao dịch

Có TK 511, 711: Tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch

- Khi thu được nợ phải thu bằng ngoại tệ nợ phải thu của khách hàng:

Trường hợp bên Có các tài khoản phải thu áp dụng tỷ giá ghi sổ để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán, ghi:

Nợ TK 111, 112: Tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131: Tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

- Khi thu các khoản nợ phải thu:

Nợ TK 111, 112: Theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm thu nợ

Có TK 131: Theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm thu nợ

Ghi nhận chênh lệch tỷ giá: Việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được thực hiện đồng thời tại thời điểm thu nợ hoặc định kỳ tùy theo đặc điểm hoạt động kinh doanh của DN:

+ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 131

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

b) Đối với giao dịch mua tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ:

- Trường hợp mua thanh toán ngay, kế toán ghi nhận:

Nợ TK 152/ 156/ 211/ 641/ 642/ 133.....: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi DN thường xuyên giao dịch

Nợ TK 635: Chênh lệch lỗ tỷ giá

Có TK 515: Chênh lệch lãi tỷ giá

Có TK 1112/ 1122: Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

- Trường hợp mua trả chậm:

+ Khi phát sinh giao dịch mua, kế toán ghi theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi DN thường xuyên giao dịch:

Nợ TK 152/ 156/ 211/ 641/ 642/ 133....

Có TK 331

+ Khi thanh toán nợ cho nhà cung cấp, kế toán ghi:

Nợ TK 331: Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh ngày phát sinh giao dịch mua

Nợ TK 635: Chênh lệch lỗ tỷ giá

Có TK 1112/ 1122: Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

Có TK 515: Chênh lệch lãi tỷ giá.

- Trường hợp ứng trước tiền cho nhà cung cấp:

+ Khi ứng trước tiền cho nhà cung cấp, kế toán ghi:

Nợ TK 331: Tỷ giá bán ngoại tệ của NH mà DN thường xuyên giao dịch

Nợ TK 635: Chênh lệch lỗ tỷ giá

Có TK 1112/ 1122: Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

Có TK 515: Chênh lệch lãi tỷ giá

+ Khi nhận vật tư, hàng hóa, tài sản và dịch vụ từ nhà cung cấp, kế toán ghi theo tỷ giá đã ghi sổ ngày ứng trước tiền:

Nợ TK 152/ 156/ 211/ 641/ 642.....

Có TK 331

- Trường hợp giá trị tài sản và dịch vụ nhận lớn hơn số tiền ứng trước, kế toán cần tách riêng giá trị tài sản, dịch vụ tương ứng với phần ứng trước sẽ ghi theo tỷ giá ghi sổ ngày ứng trước và giá trị tài sản, dịch vụ tương ứng với phần chưa ứng trước sẽ ghi theo tỷ giá bán của ngân hàng mà DN thường xuyên giao dịch. Đối với các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ thì bên Nợ của các TK Vốn bằng tiền được ghi theo tỷ giá giao dịch thực tế. Riêng trường hợp rút ngoại tệ từ ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt thì ghi theo tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động của TK 1122 và trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào ngân hàng thì ghi theo tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động của TK 1112.

### **1.5 Sự cần thiết của kế toán thanh toán với người mua, người bán.**

Bộ phận kế toán luôn đóng một vai trò hết sức quan trọng trong mỗi doanh nghiệp. Trong đó, kế toán thanh toán được khái quát là thực hiện việc lập các chứng từ thu, chi. Đồng thời trực tiếp theo dõi, quản lý, hạch toán kế toán các giao dịch, các nghiệp vụ kinh tế, tài chính. Liên quan đến việc sử dụng dòng tiền để thanh toán các đối tượng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

Doanh nghiệp không thể chi trả tất cả các khoản phát sinh trong hoạt động kinh doanh với lượng vốn CSH có hạn, dẫn đến phải chiếm dụng vốn của công tác khác làm phát sinh quan hệ thanh toán. Trong tất cả các khoản phải thu thì



phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất. Luồng tiền thu được từ khách hàng là nguồn chính để doanh nghiệp chi trả các khoản nợ và tiếp tục chu kỳ kinh doanh của mình. Việc quản lý và thu hồi nợ tốt sẽ nâng cao khả năng thanh toán của doanh nghiệp, đảm bảo cho doanh nghiệp có tình hình tài chính vững mạnh để vượt qua những khó khăn có thể gặp phải trong suốt quá trình hoạt động của mình và quyết định sự liên tục của quá trình sản xuất kinh doanh.

Quan hệ thanh toán là yếu tố của hoạt động tài chính và là cơ sở cho công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán chi tiết theo đối tượng, thời gian và tình hình thanh toán sẽ cung cấp cho nhà quản lý các thông tin cần thiết cho quản lý tài chính. Thông qua các thông tin này, các nhà quản trị sẽ nắm được tình hình thanh toán của các doanh nghiệp để từ đó đưa ra các chính sách thu hồi nợ, thanh toán nợ và cân đối tài chính Doanh nghiệp giữa vốn chiếm dụng và vốn bị chiếm dụng sao cho hợp lý.

Tất cả nghiệp vụ liên quan đến thanh toán phát sinh đều được biểu hiện qua các chứng từ, sổ sách nên việc quản lý các khoản nợ và thu hồi nợ phải được tiến hành thông qua kế toán. Từ sự quản lý thường xuyên và chi tiết của kế toán mà Ban giám đốc sẽ có những quyết định đúng đắn, biện pháp kịp thời trong việc thu hồi nợ phải thu sớm nhất có thể từ phía khách hàng nhưng vẫn phải đảm bảo duy trì mối quan hệ tốt với bạn hàng, đồng thời chi trả đúng hạn cho người bán nhằm nâng cao uy tín cho công ty. Nhìn chung, quan hệ thanh toán với người mua và người bán có ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

### **1.6 Nhiệm vụ của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán.**

#### **-Thực hiện quản lý, theo dõi các khoản thu trong DN:**

- + Trực tiếp thu tiền của các đối tượng bên trong và bên ngoài DN. Hàng ngày theo dõi, thu hồi công nợ phải thu đối với khách hàng.
- + Theo dõi và có trách nhiệm đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.
- + Quản lý các nghiệp vụ kế toán liên quan đến thu, chi dòng tiền.

#### **-Thực hiện quản lý, theo dõi các khoản chi trong DN:**

- + Thường xuyên lập kế hoạch, vạch ra chiến lược về việc thanh toán các khoản công nợ với nhà cung cấp.
- + Trực tiếp thực hiện nghiệp vụ thanh toán bằng tiền mặt. Hoặc bằng tiền gửi Ngân hàng cho các nhà cung cấp từ khâu đối chiếu công nợ, nhận hóa đơn cho

đến xem xét phiếu đề nghị thanh toán. Và lập phiếu thanh toán (phiếu chi, giấy báo nợ của Ngân hàng,...).

- Công tác ghi chép nhằm theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phải trả theo chi tiết từng đối tượng, từng khoản nợ đôn đốc việc thanh toán kịp thời, tránh chiếm dụng vốn.

- Đối với những khách nợ có quan hệ giao dịch mua bán thường xuyên hoặc có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối niên độ kế toán cần tiến hành kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán số còn nợ. Nếu cần thiết có thể yêu cầu khách hàng xác nhận bằng văn bản.

- Giám sát việc thực hiện chế độ thanh toán công nợ và tình hình chấp hành kỷ luật.

- Tổng hợp, cung cấp thông tin kịp thời về tình hình công nợ từng loại cho quản lý có biện pháp xử lý phù hợp.

- Công tác hệ thống tài khoản, hệ thống sổ kế toán chi tiết, sổ tổng hợp để phản ánh công nợ phải thu và phải trả. Đồng thời cũng cần xây dựng nguyên tắc quy trình kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp thanh toán với người mua, người bán sao cho khoa học và hợp lý, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo tuân thủ quy định và chế độ.

## **1.7. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung.**

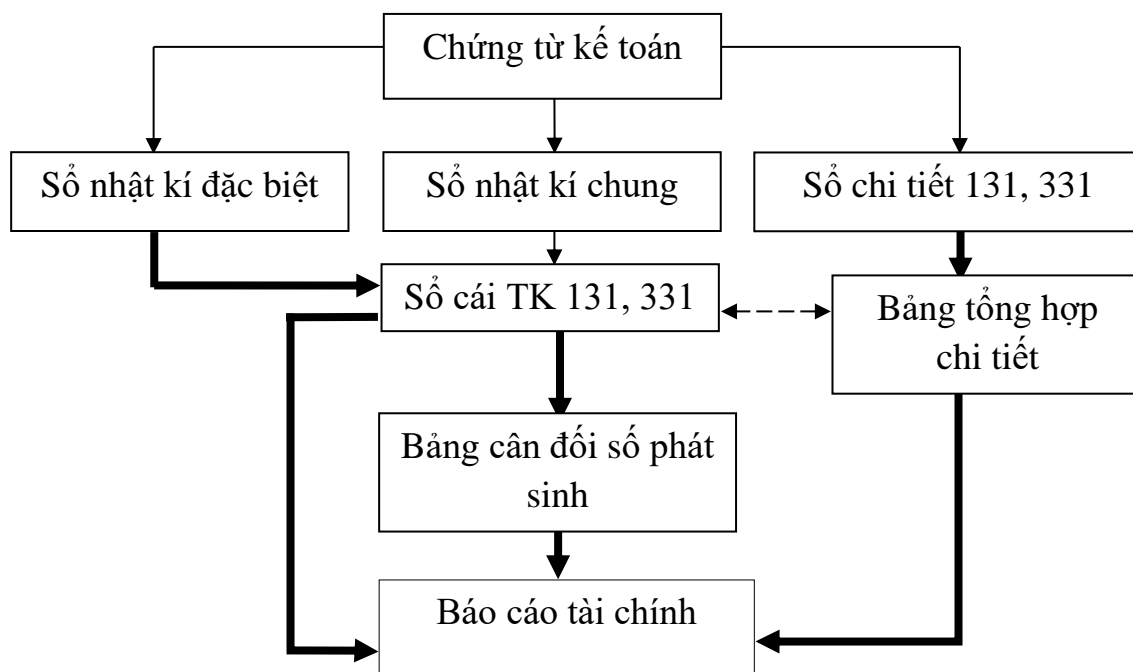
### **1.7.1 Nguyên tắc ghi sổ Nhật Ký Chung.**

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký ghi vào Sổ Cái các tài khoản liên quan. Các loại sổ chủ yếu gồm:

- Sổ Nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

### **1.7.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung.**

**Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức nhật ký chung.**



Ghi chú:

Ghi theo ngày:  $\longrightarrow$

Ghi định kỳ:  $\longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu kiểm tra:  $\longleftarrow\text{-----}\longrightarrow$

- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết phải ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng tất cả số liệu trên sổ cái, bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu, đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

- Theo nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ nhật ký chung.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ DỊCH VỤ KHAI THÁC THỦY SẢN HẠ LONG**

#### **2.1 Khái quát về Công ty cổ phần khai thác và Dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long.**

##### **2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty**

Công ty Cổ Phần Khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long là công ty đang hoạt động trong lĩnh vực thu mua thủy sản, chế biến thủy sản Xuất khẩu, thủy sản nội địa, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm và xuất nhập khẩu hàng hóa.

- Tên doanh nghiệp : Công Ty Cổ Phần Khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long
- Tên bằng tiếng anh: HALONG FISHERY DISCOVER COMPANY
- Tên viết tắt: HA LONG FIDICOM
- Ngày thành lập: 12/02/2007
- Địa chỉ trụ sở chính tại: Số 409 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành Phố Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0200145820
- Vốn điều lệ: 11.000.000.000 đồng

Công ty Cổ Phần Khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long là doanh nghiệp được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Được thành lập từ năm 2007 đến nay Công ty đã có rất nhiều sự thay đổi, thay đổi về cơ cấu công tác nhân sự, bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh để phù hợp với sự phát triển kinh tế của xã hội để đáp ứng được sự thay đổi đó, đòi hỏi tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên công ty phải luôn luôn cố gắng, nỗ lực hết mình.

##### **2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty**

Các lĩnh vực kinh doanh của công ty: thu mua thủy sản, chế biến thủy sản Xuất khẩu, thủy sản nội địa, kinh doanh kho bãi, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm và xuất nhập khẩu hàng hóa.

##### **2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.**

Trong quá trình hoạt động, công ty có được nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn.

- Thuận lợi:

+ Đội ngũ nhân viên có năng lực, có ý thức trách nhiệm, năng động, sáng tạo và luôn nỗ lực hết mình với công việc.

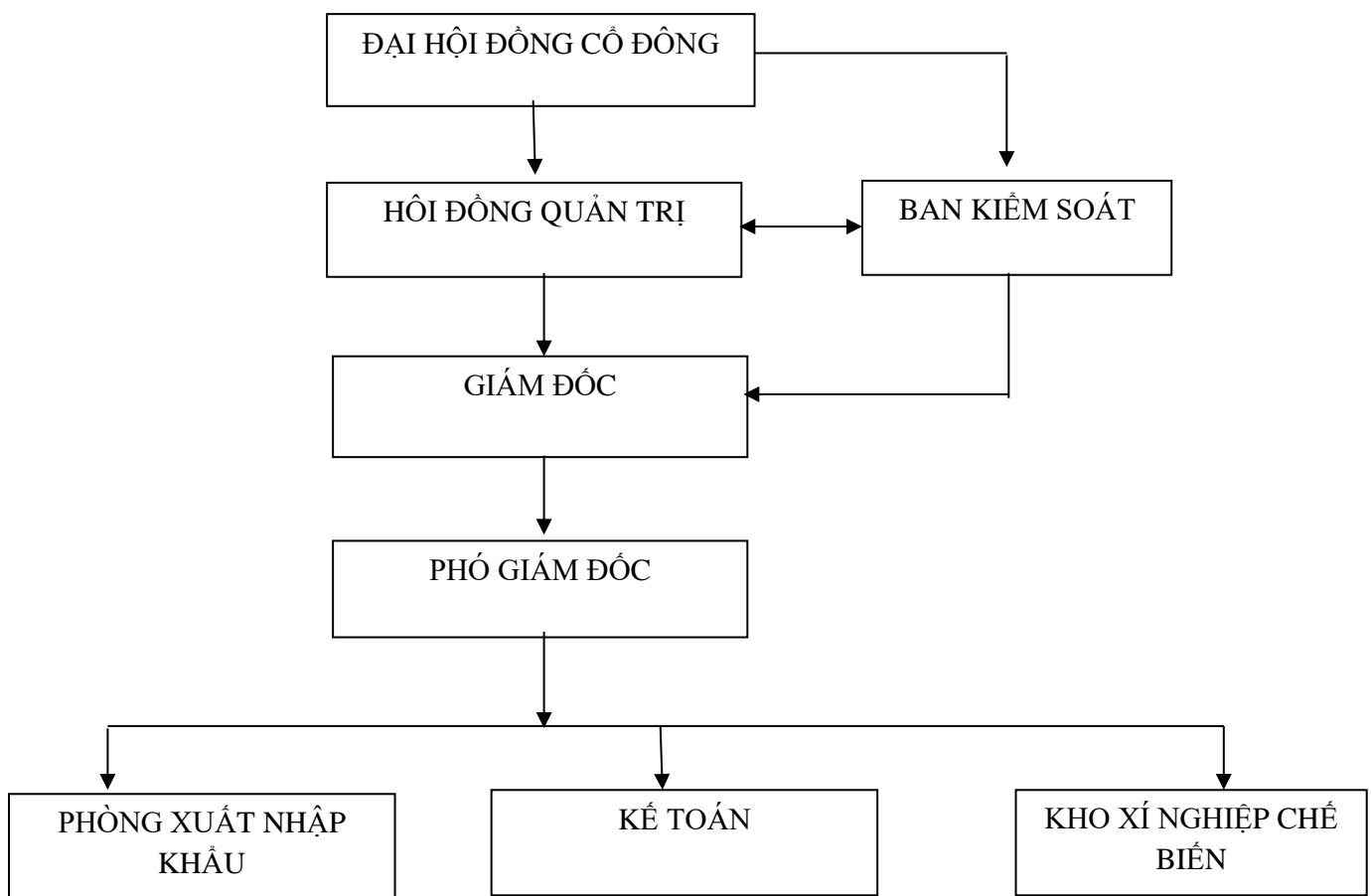
+ Văn phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của của công ty.

+ Môi trường làm việc chuyên nghiệp khi các phòng ban được phân công rõ ràng và nhất quán.

- Khó khăn: thị trường tiêu thụ bị cạnh tranh vì càng ngày càng có nhiều đối thủ không ngừng chiếm lĩnh lấy thị trường này.

**2.1.4 Mô hình công tác bộ máy quản lý của công ty**

**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ công tác bộ máy quản lý của công ty**



**Chức năng của từng phòng ban:**

- Đại hội cổ đông: gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

- Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

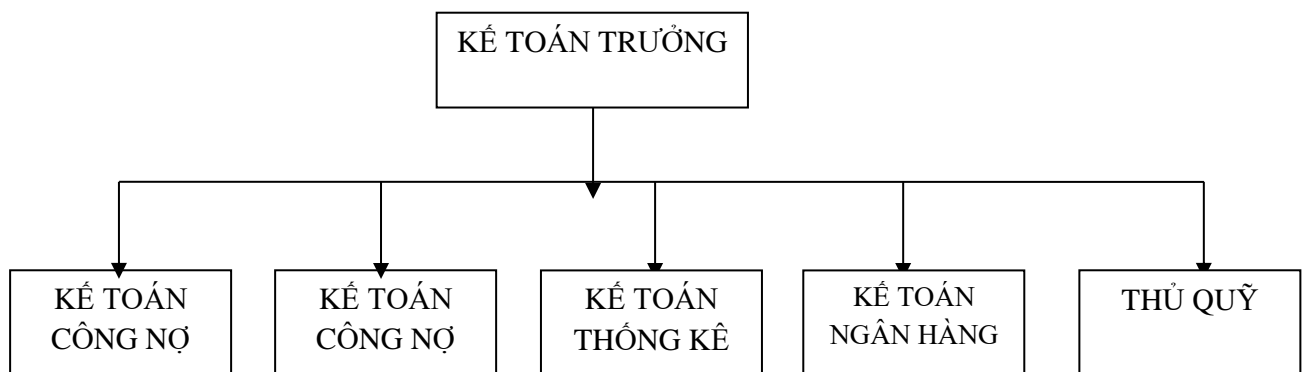
- Ban kiểm soát: có nhiệm vụ giống như các cơ quan tư pháp trong mô hình tam quyền phân lập nhằm giúp các cổ đông kiểm soát hoạt động quản trị và quản lý điều hành công ty.
- Ban giám đốc: là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Phòng xuất nhập khẩu: quản lý công tác xuất nhập khẩu, phối hợp giải quyết các đơn thư, ý kiến phản ánh của khách hàng gửi về công ty.
- Phòng kế toán: thực hiện và giám sát các công việc về tài chính trong công ty.
- Kho xí nghiệp chế biến: lưu trữ, nhập xuất hàng hóa

**2.1.5 Đặc điểm công tác công tác kế toán của công ty.**

**2.1.5.1 Mô hình công tác bộ máy kế toán của công ty.**

Bộ máy kế toán của công ty được công tác theo mô hình tập trung:

**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ công tác bộ máy kế toán của công ty**



- Kế toán trưởng: Đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm công tác điều hành công tác kế toán trong công ty, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.
- Kế toán công nợ: Làm các nhiệm vụ liên quan đến các khoản thanh toán, lập phiếu thu, phiếu chi theo dõi và báo cáo kịp thời tình hình thu chi và tồn quỹ, theo dõi các khoản phải thu, phải trả, các khoản tạm ứng và lập báo cáo kịp thời về tình hình công nợ với kế toán trưởng.

- Kế toán thuế: Xác định cơ sở để tính thuế và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của công ty cho nhà nước, thu thập, xử lý, sắp xếp, lưu trữ hóa đơn, chứng từ kế toán, kê khai, lập báo cáo thuế.
- Kế toán thống kê: Lập thủ tục các phiếu lập kho, phiếu xuất kho, đối chiếu hàng hóa, cung cấp cho nhân viên cung ứng số lượng, chủng loại hàng hóa tồn kho, lập các báo cáo số liệu hàng hóa tồn kho định kỳ hàng tháng, xây dựng cải tiến phương pháp nhập xuất hàng hóa đảm bảo công việc nhập xuất kho nhanh chóng, hiệu quả.
- Kế toán ngân hàng: Chịu trách nhiệm về các khoản liên quan đến tiền gửi ngân hàng, thực hiện các giao dịch chuyển tiền, nhận tiền, vay vốn ngân hàng.
- Thủ quỹ: Chịu trách nhiệm quản lý quỹ, thu chi tiền mặt. Kiểm kê, kiểm tra sổ tồn quỹ, quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

#### **2.1.5.2 Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.**

*Hình thức kế toán:*

Công ty áp dụng hình thức kế toán: theo hình thức Nhật ký chung

✓ Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài Chính ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

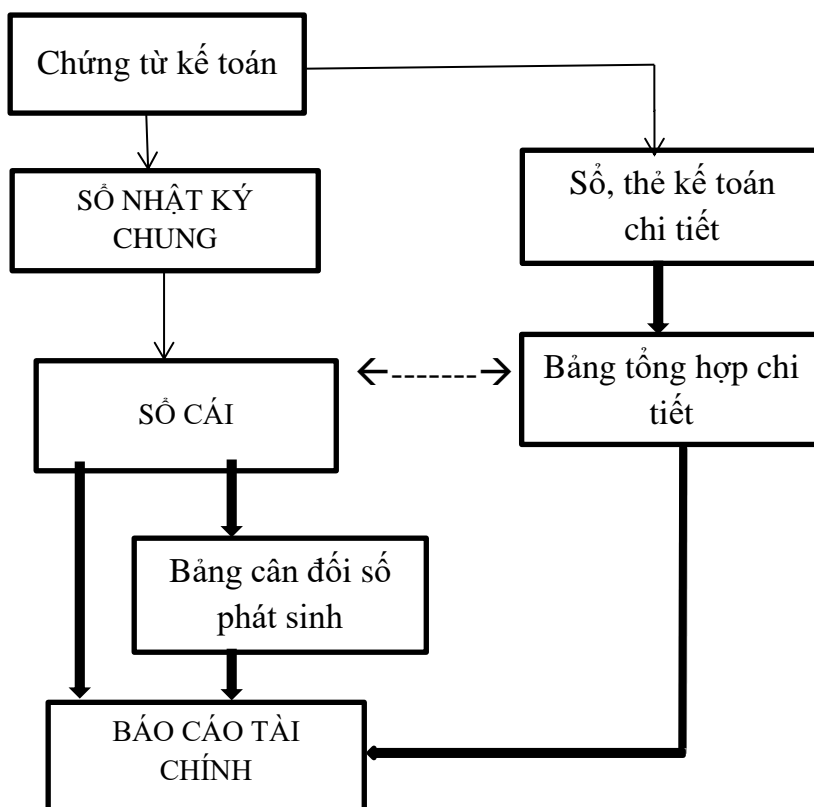
✓ Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ

✓ Phương pháp khấu hao TSCĐ: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng

✓ Phương pháp kế toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

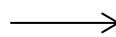
✓ Công ty sử dụng VND là loại tiền chính để hạch toán

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung



**Ghi chú:**

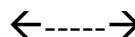
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết phải ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng tất cả các số liệu ghi trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Theo nguyên tắc: Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung.



## **2.2 Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long.**

### **2.2.1 Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty:**

**2.2.1.1 Phương thức thanh toán** là yếu tố quan trọng trong quan hệ thanh toán của Công ty với tất cả các đối tượng và được thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng kinh tế. Các phương thức thanh toán hiện nay rất đa dạng và phong phú, ở Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long sử dụng hai phương pháp thanh toán: thanh toán trả ngay và thanh toán chậm trả:

✓ Phương thức thanh toán trả ngay là: khi doanh nghiệp cung cấp sản phẩm cho khách hàng sẽ thu được tiền ngay, có thể là tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng,

✓ Phương thức thanh toán chậm trả là: khi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho khách hàng chưa thu được tiền ngay, kế toán theo dõi công nợ phải thu của khách hàng bằng các sổ chi tiết tài khoản 131, phải trả người bán bằng sổ chi tiết 331.

*Đối với người mua:* phương thức thanh toán ngay được áp dụng với khách mua hàng với số lượng nhỏ, lẻ, và không phải là khách hàng thường xuyên của công ty. Phương thức thanh toán chậm trả chỉ áp dụng cho những khách hàng, doanh nghiệp là khách hàng thường xuyên của công ty và mua hàng với số lượng lớn theo phương thức gói hàng.

*Đối với người bán:* Phương thức thanh toán ngay áp dụng cho những nhà cung cấp nhỏ lẻ, số lượng ít. Phương thức thanh toán chậm trả chỉ áp dụng cho những nhà cung cấp lâu năm và theo phương thức gói hàng hóa theo thỏa thuận của hai bên.

**2.2.1.2 Hình thức thanh toán** được áp dụng tại công ty là: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán bằng chuyển khoản.

✓ Hình thức thanh toán bằng tiền mặt thường được Công ty áp dụng cho những đơn hàng có trị giá nhỏ hơn 20 triệu đồng.

✓ Hình thức thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng thường được Công ty áp dụng bắt buộc đối với những đơn hàng có trị giá lớn hơn từ 20 triệu đồng trở nên. Trong trường hợp đơn hàng có giá trị nhỏ hơn 20 triệu đồng, Công ty thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng, trong trường hợp có sự thỏa thuận giữa bên mua và bên bán.

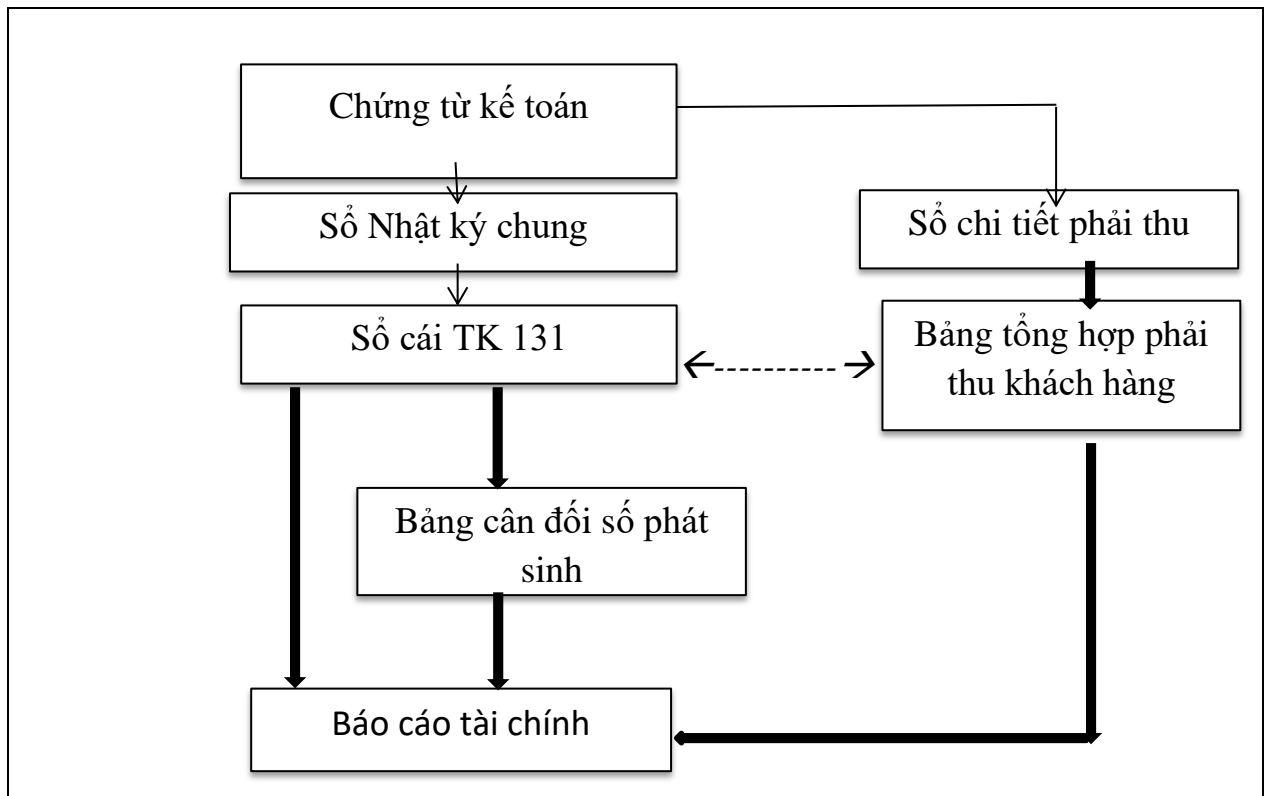
**2.2.2 Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long.**

**✓ Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng:**


- Chứng từ sử dụng:
  - + Hợp đồng mua bán
  - + Hóa đơn GTGT
  - + Giấy báo có của ngân hàng
  - + Phiếu thu
- Tài khoản sử dụng:
  - 131- Phải thu khách hàng
- Sổ sách sử dụng:
  - + Nhật ký chung
  - + Sổ chi tiết thanh toán với người mua
  - + Bảng tổng hợp thanh toán với người mua
  - + Sổ cái TK 131 và các tài khoản có liên quan.

**✓ Quy trình hạch toán:**

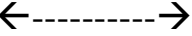
**Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long”**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày: 

Ghi định kỳ: 

Kiểm tra, đối chiếu: 

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng để ghi sổ. Đầu tiên ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 131, 511, 333... đồng thời kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 131 theo dõi cho từng khách hàng.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 mở cho từng khách hàng, kế toán lập tổng hợp phải thu khách hàng. Kế toán thực hiện thao tác cộng số liệu trên bảng sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Kế toán dùng số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp phải thu của khách hàng để lập báo cáo tài chính.

**Ví dụ 1:** Ngày 02/10/2018 công ty bán 10.440kg cá nục đông lạnh nguyên con cho Công ty CP thương mại ĐT và PT Mạnh Hà trị giá 245.340.000đồng.

**Biểu số 1: Hóa đơn GTGT số 0000520**



**HÓA ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01 GTKT3/001  
Ký hiệu: AA/17P  
Số: **0000520**

Liên 3: Hạch toán nội bộ

Ngày 02 tháng 10 năm 2018

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ DỊCH VỤ KHAI THÁC THỦY SẢN HẠ LONG**

Mã số thuế: 0200145820

Địa chỉ: SỐ 409 LÊ LAI, PHƯỜNG MÁY CHAI, QUẬN NGÔ QUYỀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

Điện thoại: 0225.3836047

\* Fax: 0225.3836240

Số tài khoản: 3211 000000 3123

Tại: Ngân hàng BIDV Hải Phòng

Họ tên người mua

hàng:.....

Tên đơn vị: Công ty cổ phần thương mại đầu tư và phát triển Mạnh Hà.

Mã số thuế: 0201150326

Địa chỉ: Số 45 đường 5 mới, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Hình thức thanh toán: Chuyên khoản

Số tài khoản: .....

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Cá nục đông lạnh nguyên con	kg	10.440	23.500	245.340.000
Cộng tiền hàng:.....					245.340.000
Thuế suất GTGT:.... %,					Tiền thuế GTGT:.....
Tổng cộng tiền thanh toán: .....					245.340.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.					

**Người mua hàng**

**Người bán hàng**

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

**Ví dụ 2:** Ngày 24/10/2018 công ty bán 550kg cá cam đông lạnh cho Công ty CP chế biến thủy sản xuất khẩu Hạ Long trị giá 17.600.000 đồng

**Biểu số 2: Hóa đơn GTGT số 0000567.**



**HÓA ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01 GTKT3/001  
Ký hiệu: AA/17P  
Số : **0000567**

Liên 3: Hạch toán nội bộ

Ngày 24 tháng 10 năm 2018

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ DỊCH VỤ KHAI THÁC THỦY SẢN HẠ LONG**

Mã số thuế: 0200145820

Địa chỉ: SỐ 409 LÊ LAI, PHƯỜNG MÁY CHAI, QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

Điện thoại: 0225.3836047

\* Fax: 0225.3836240

Số tài khoản: 32110000003123

Tại: Ngân hàng BIDV Hải Phòng

Họ tên người mua

hàng:.....

Tên đơn vị: Công ty cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Hạ Long.

Mã số thuế: 0200682800

Địa chỉ: Số 178 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

Hình thức thanh toán : TM

Số tài khoản:.....

S T T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Cá cam đông lạnh	kg	550	32.000	17.600.000
Cộng tiền hàng: .....					17.600.000
Thuế suất GTGT:..... %, Tiền thuế GTGT: .....					
Tổng cộng tiền thanh toán: .....					17.600.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn./.					

**Người mua hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)


**Ví dụ 3:** Ngày 24/10/2018 Công ty cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Hạ Long thanh toán tiền hàng 17.600.000 đồng bằng tiền mặt.

**Biểu số 3: Phiếu thu**

<b>Đơn vị: Công ty CP khai thác và DVKT thủy sản Hạ Long</b>	Mẫu số: 01-TT			
<b>Địa chỉ: Số 409 Lê Lai- Ngô Quyền-HP</b>	( Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của bộ tài chính)			
<b>PHIẾU THU      Số 16</b>				
<i>Ngày 24 tháng 10 năm 2018</i>				
Ghi Nợ TK: 111				
Có TK: 131				
Họ và tên người nộp tiền: Công ty CP chế biến thủy sản xuất khẩu Hạ Long				
Địa chỉ: Số 178 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Ngô Quyền, HP.				
Lý do nộp: Thu tiền HĐ0000567				
Số tiền: 17.600.000      ( <i>Viết bằng chữ</i> ) Mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng.				
Kèm theo..... Chứng từ gốc:				
<i>Ngày 24 tháng 10 năm 2018</i>				
<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người nộp tiền</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>
<i>(Ký, họ tên đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>( ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>( Ký, họ tên)</i>

**Ví dụ 4:** Ngày 30/10/2018 Công ty cổ phần thương mại đầu tư và phát triển Mạnh Hà thanh toán tiền hàng 245.340.000 đồng bằng chuyển khoản.

**Biểu số 4: Giấy báo có của ngân hàng**

		Ngày 30/10/2018 CIF : 202949 Seq :	
<b>GIẤY BÁO CÓ</b> <b>CREDIT ADVICE</b>			
<b>Chi nhánh thực hiện/ Bank: NHTMCP DT&amp;PTVN-CN HAI PHONG</b> <b>Số tài khoản/ Account: 32110000003123</b> <b>Tên tài khoản/ Account Name: CTY CP KHAI THAC VA DV KHAI THAC THUY SAN HA LONG</b>			
<b>Kính gửi/ To: CTY CP KHAI THAC VA DV KHAI THAC THUY SAN HA LONG</b>		Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý Khách hàng đã được ghi CỐ với nội dung sau : Please note that the have today CREDITED your account with the following entries:	
<b>Ngày hiệu lực</b> Effective Date	<b>Số tiền</b> Amount	<b>Loại tiền</b> Currency	<b>Diễn giải</b> Txn. Description
30/10/2018	245.340.000	VND	KREM 991018102507880 BO- CONG TY CP TM ĐT & PT MANH HA FO-32110000003123 CONG TY CP KHAI THAC VA DICH VU KH DTLS-THANH TOAN TIEN MUA HANG CHO HDAA17P-0000520 Bank Charge.00 VAT.00

**GIAO DỊCH VIÊN / TELLER**

**KIỂM SOÁT VIÊN / SUPERVISOR**

**Biểu số 5: trích sổ nhật ký chung**

Công ty CP khai thác và DVKT thủy sản Hạ Long  
 Địa chỉ: Số 409 Lê Lai, phường Máy Chai, quận  
 Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN  
 (Ban hành theo TT số  
 200//2014/TT-BTC ngày  
 22/12/2014 của bộ tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
**Tài khoản: 131 - Phải thu của khách hàng**  
**Năm 2018**

*Đơn vị tính: VNĐ*

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
	.....	.....	.....	....	....	....	.....
02/10	HĐ 0000520	02/10	Bán cá nục đông lạnh nguyên con cho C.ty CP TMĐT & PT Mạnh Hà	131	511	245.340.000	245.340.000
	.....	.....	.....	....	.....	.....	....
24/10	HĐ 0000567	24/10	Bán cá cam đông lạnh cho C.ty CP chế biến TS XK Hạ Long	131	511	17.600.000	17.600.000
24/10	PT16	24/10	C.ty CP chế biến TS XK Hạ Long thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt	111	131	17.600.000	17.600.000
30/10	GBC 202949	30/10	C.ty CP TM Đầu tư & PT Mạnh Hà thanh toán tiền hàng bằng chuyển khoản	112	131	245.340.000	245.340.000
	.....	.....	.....	....	....	.....	.....
			<b>Cộng lũy kế</b>			<b>110.106.283.357</b>	<b>110.106.283.357</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*

**Người lập biểu**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Người đại diện theo pháp luật**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu số 6: Trích sổ cái TK 131**

Công ty CP khai thác và DVKT thủy sản Hạ Long  
 Địa chỉ: Số 409 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô  
 Quyền, thành phố Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN  
 ( Ban hành theo TT số  
 200//2014/TT-BTC ngày  
 22/12/2014 của bộ tài chính)

**SỔ CÁI**

Năm 2018

Tên TK: 131 - Phải thu khách hàng

Đơn vị tính: VNĐ

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>		<b><u>1.732.837.752</u></b>	
	....	...	.....	....	...	....
02/10	HĐ 0000520	02/10	Bán cá nục đông lạnh nguyên con cho C.ty CP TMĐT & PT Mạnh Hà	511	245.340.000	
	....	....	.....	....	.....	....
24/10	HĐ 0000567	24/10	Bán cá cam đông lạnh cho C.ty CP chế biến TS XK Hạ Long	511	17.600.000	
24/10	PT16	24/10	C.ty CP chế biến TS XK Hạ Long thanh toán tiền hàng	111		17.600.000
30/10	GBC 202949	30/10	C.ty CP TM Đầu tư & PT Mạnh Hà thanh toán tiền hàng	112		245.340.000
	.....	....	.....	.....	.....	.....
			Số phát sinh		110.106.283.357	95.306.645.478
			<b>Số dư cuối năm</b>		<b><u>16.532.475.631</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
 ( ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 ( ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
 ( ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 7:** Trích sổ chi tiết phải thu khách hàng

**Đơn vị:** Công ty CP khai thác và DVKT thủy sản Hạ Long

**Địa chỉ:** số 409 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, tp Hải Phòng.

Mẫu số: S13-DN  
( Ban hành theo TT số  
200//2014/TT-BTC ngày  
22/12/2014 của bộ tài chính)

**SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Hạ Long

Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	THCK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>SDDK</b>					100.000.000	
....	.....	....	....	....	.....	.....	.....	....	...
24/10	HĐ 0000567	24/10	Bán cá cam đông lạnh	511		17.600.000		56.798.300	
....	....	....	.....	.....	.....	....	....	.....	....
24/10	PT 16	24/10	Thanh toán tiền hàng	111			17.600.000	39.198.300	
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	....	...
31/10	HĐ 0000593	31/10	Phí thuê kho hàng đông lạnh theo HĐ số 24/HL ngày 24/9/2018	511		46.039.111		70.716.017	
				3331		4.603.911		75.319.928	
.....	....	.....	....	....	....	....	....	....	...
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>232.80302</b>	<b>194.748.840</b>		
			<b>SĐCK</b>					<b>138.054.252</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 8: Trích sổ chi tiết phải thu khách hàng**

**Đơn vị:** Công ty CP khai thác và DVKT thủy sản Hạ Long

**Địa chỉ:** số 409 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, tp Hải Phòng.

Mẫu số: S13-DN  
( Ban hành theo TT số  
200//2014/TT-BTC ngày  
22/12/2014 của bộ tài chính)

**SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty CP TM Đầu tư và phát triển Mạnh Hà

Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Thời hạn C/K	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>SĐĐK</b>					<b>0</b>	
....	.....	....	....	....	.....	.....	.....	.....	...
02/10	HĐ 0000520	02/10	Bán cá nục đông lạnh nguyên con	511		245.340.000		665.500.000	
....	....	....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
11/10	HĐ 0000544	11/10	Bán cá nục đông lạnh nguyên con	511		163.560.000		750.100.000	
30/10	GBC 202949	30/10	Thanh toán tiền hàng	112			245.340.000	504.760.000	
.....	....	.....	.....	....	.....	.....	.....	.....	...
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>6.080.890.000</b>	<b>6.080.890.000</b>		
			<b>SĐCK</b>					<b>0</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 9: Trích bảng tổng hợp phải thu khách hàng.**

**Đơn vị:** Công ty CP khai thác và DVKT thủy sản Hạ Long

**Địa chỉ:** số 409 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, tp Hải Phòng.

**BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

**Tài khoản: Phải thu khách hàng**

**Năm 2018**

Đơn vị tính: VNĐ

Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
.....	.....	.....	....	.....	.....	...
C.ty CP TM đầu tư và Phát triển Mạnh Hà			6.080.890.000	6.080.890.000	0	
C.ty CP chế biến TS XK Hạ Long	100.000.000		232.803.092	194.748.840	138.054.252	
Công ty CP sản xuất DV & TM Tâm Bình	906.156.600		802.043.400	1.206.200.000	502.000.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.732.837.752</b>		<b>110.106.283.357</b>	<b>95.306.645.478</b>	<b>16.532.475.631</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.3 Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty.**

✓ Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng:

-Chứng từ sử dụng:

- + Hợp đồng mua bán
- + Hóa đơn GTGT
- + Giấy báo nợ của ngân hàng
- + Phiếu chi

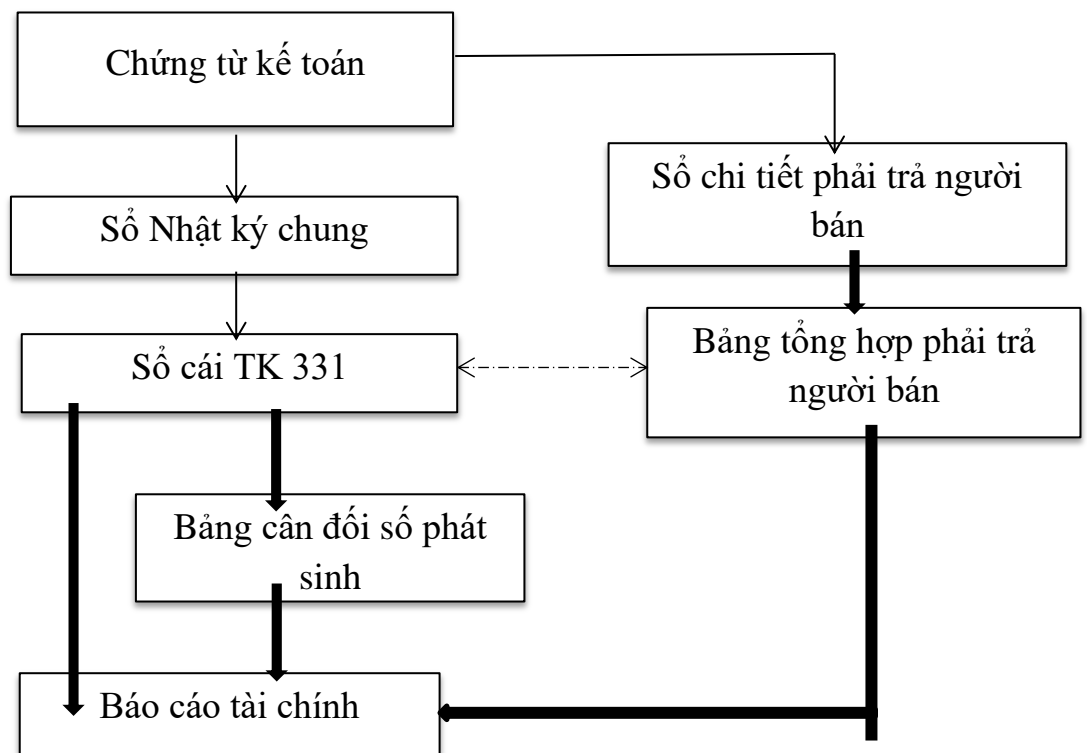
-Tài khoản sử dụng:

331- Phải trả người bán

-Sổ sách sử dụng:

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ chi tiết phải trả người bán
- + Sổ tổng hợp chi tiết phải trả người bán
- + Sổ cái tài khoản 331

**Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại công ty CP khai thác và Dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi định kỳ:  $\longrightarrow$

Kiểm tra, đối chiếu:  $\longleftarrow\text{-----}\longrightarrow$

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ để ghi sổ nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết phải trả người bán. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 331. Từ sổ chi tiết phải trả người bán, ta tiến hành lập bảng tổng hợp phải trả người bán.

Cuối kỳ, kế toán cộng tất cả số liệu trên kế toán. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp được lập từ các số thẻ, thẻ kế toán chi tiết để lập bảng cân đối số phát sinh và các báo cáo tài chính.

**Ví dụ 1:** Ngày 02/10/2018 mua cá nục đông lạnh nguyên con trị giá 621.000.000 đồng theo hóa đơn GTGT số 0000947, chưa thanh toán.

**Biểu số 10: Hóa đơn GTGT số 0000947.**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
<i>Liên 2: Giao người mua</i>		Ký hiệu: AA/15P			
<i>Ngày 02 tháng 10 năm 2018</i>		Số: 0000947			
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Hạ Long 86					
Mã số thuế: 0200857803					
Địa chỉ: Số 16/112 Lê Lợi, Phường Gia Viên, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.					
Điện thoại: 031.3767400		Fax: 031.3767400			
Số tài khoản: 55708539		Tại: ACB PGD Thái Phiên - Hải Phòng			
Họ tên người mua:					
Đơn vị mua hàng: Công ty CP khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long					
Mã số thuế: 0200145820					
Địa chỉ: Số 409 Lê Lai, P Máy Chai, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản: .....					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cá nục đông lạnh nguyên con	Kg	27.000	23.000	621.000.000
<i>Cộng tiền hàng:</i>					621.000.000
<i>Thuế suất GTGT: %</i>			<i>Tiền thuế giá trị gia tăng:</i>		
<i>Tổng cộng tiền thanh toán:</i>					621.000.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm hai mươi một triệu đồng chẵn./.</i>					
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (ký, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

**Ví dụ 2:** Ngày 03/10/2018 mua mực đông lạnh nguyên con và mực ống đông lạnh trị giá 779.500.000 đồng theo hóa đơn GTGT số 0000480.

**Biểu số 11: Hóa đơn GTGT số 0000480**

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu: AA/14P		
<i>Liên 2: Giao người mua</i>			Số: 0000480		
<i>Ngày 03 tháng 10 năm 2018</i>					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN HẠ LONG					
Mã số thuế: 0200107688					
Địa chỉ: Số 409 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.					
Điện thoại: 031.3836342 Fax: 031.3827011					
Số tài khoản: 2100311000008 Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Hải Phòng					
Họ tên người mua:					
Đơn vị mua hàng: Công ty CP khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long					
Mã số thuế: 0200145820					
Địa chỉ: 409 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành Phố Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoảnSố tài khoản: .....					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Mực đông lạnh NC	Kg	10.000	54.800	548.000.000
2	Mực ống đông lạnh	Kg	5.000	46.300	231.500.000
Cộng tiền hàng:					779.500.000
Thuế suất GTGT:.... %		Tiền thuế giá trị gia tăng:			
Tổng cộng tiền thanh toán:					779.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.					
<b>Người mua hàng</b> (Ký,ghi rõ họ tên) họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký,ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký,ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

**Ví dụ 3:** Ngày 04/10/1018 công ty thanh toán tiền hàng cho Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Hạ Long 86 số tiền 621.000.000 đồng bằng chuyển khoản.

**Biểu số 12: Ủy nhiệm chi.**



**ỦY NHIỆM CHI  
PAYMENT ORDER**

Số/ Seq No: 0120

Ngày/Date:04/10/2018

<b>Tên TK trích Nợ/ Dr A/c Name :</b> Công ty cổ phần khai thác và Dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long.		<b>Người hưởng/ Beneficiary:</b> Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Hạ Long 86	
Số TK trích Nợ/ Dr A/C No: 32110000003123		Số CMND/ HC/ ID/PP:..... Ngày cấp/ Date:	
TạiNH/ At Bank: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		.....	
Chi nhánh/ Branch: Hải Phòng		Nơi cấp/ Place:.....	
		Số TK/A/C No: 55708539	
		Tại NH/ At Bank :ACB phòng giao dịch Thái Phiên - Hải Phòng	
<b>Số tiền bằng số/ Amount in figures:</b> 621.000.000 đ		<b>Số tiền bằng chữ/ Amount in words:</b> Sáu	
trăm hai mươi một triệu đồng chẵn.			
<b>Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/ Request for changing into:</b> .....Tỷ giá/ Ex rate: .....		<b>Phí Ngân hàng/ Charges:</b>	
Nội dung/ Remarks: Thanh toán tiền mua hàng thủy sản		<input type="checkbox"/> <b>Phí trong/Charges</b>	
.....		Inclu đe	
.....		<input type="checkbox"/> <b>Phí ngoài/Charges</b>	
		Exclu đe	
<b>KHÁCH HÀNG/ CUSTOMER</b>		<b>NGÂN HÀNG/ BANK SENDER (BIDV)</b>	
<b>Kế toán trưởng/Chief Accountant</b> (Ký và ghi rõ họ tên/ Signature & full name)	<b>Chủ tài khoản/ Account Holder</b> (Ký và ghi rõ họ tên/ Signature & full name)	<b>Giao dịch viên/Received by</b>	<b>Kiểm soát/Verified by</b>

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG



**Ví dụ4:** Ngày 14/10/2018 công ty thanh toán tiền mua mực đông lạnh nguyên con và mực ống đông lạnh cho Công ty cổ phần chế biến thủy sản Hạ Long số tiền 779.500.000 đồng bằng chuyển khoản.

**Biểu số 13: Ủy nhiệm chi**



**ỦY NHIỆM CHI  
PAYMENT ORDER**

Số/ Seq No: 0136  
Ngày/Date: 14/10/2018

<b>Tên TK trích Nợ/ Dr A/c Name :</b> Công ty cổ phần khai thác và Dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long. <b>Số TK trích Nợ/ Dr A/C No:</b> 3211000003123 <b>Tại NH/ At Bank:</b> TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam <b>Chi nhánh/ Branch:</b> Hải Phòng		<b>Người hưởng/ Beneficiary:</b> Công ty cổ phần chế biến thủy sản Hạ Long <b>Số CMND/ HC/ ID/PP:</b> ..... Ngày cấp/ Date: ..... <b>Nơi cấp/ Place:</b> ..... <b>Số TK/A/C No:</b> 2100311000008 <b>Tại NH/ At Bank :</b> Nông nghiệp và PTNT Hải Phòng	
<b>Số tiền bằng số/ Amount in figures:</b> 779.500.000 đ trăm bảy mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./		<b>Số tiền bằng chữ/ Amount in words:</b> Bảy trăm bảy mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./	
<b>Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/ Request for changing into:</b> ..... Tỷ giá/ Ex rate: ..... <b>Nội dung/ Remarks:</b> Thanh toán tiền mua hàng thủy sản ..... .....		<b>Phí Ngân hàng/ Charges:</b> <input type="checkbox"/> <b>Phí trong/Charges</b> Inclu đê <input type="checkbox"/> <b>Phí ngoài/Charges</b> Exclu đê	
PHÂN DÀNH CHO NGÂN HÀNG			
<b>KHÁCH HÀNG/ CUSTOMER</b>		<b>NGÂN HÀNG/ BANK SENDER (BIDV)</b>	
<b>Kế toán trưởng/Chief Accountant</b> (Ký và ghi rõ họ tên/ Signature & full name)	<b>Chủ tài khoản/ Account Holder</b> (Ký và ghi rõ họ tên/ Signature & full name)	<b>Giao dịch viên/Received by</b> <b>soát/Verified by</b>	<b>Kiểm</b>

**Biểu số 14: Trích sổ Nhật ký chung.**

Công ty CP khai thác và DVKT thủy sản Hạ Long  
 Địa chỉ: Số 409 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô  
 Quyền, thành phố Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN  
 ( Ban hành theo TT số  
 200//2014/TT-BTC ngày  
 22/12/2014 của bộ tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2018

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
	.....	.....	.....	....	....	....	.....
02/10	HĐ 0000947	02/10	Mua cá nục đông lạnh nguyên con	1561	331	621.000.000	621.000.000
...	.....	.....	.....	....	.....	.....	....
03/10	HĐ 0000480	03/10	Mua mực đông lạnh nguyên con và mực ống đông lạnh	1561	331	779.500.000	779.500.000
04/10	UNC 0120	04/10	Thanh toán tiền mua hàng thủy sản	331	112	621.000.000	621.000.000
14/10	UNC 0136	14/10	Thanh toán tiền mua hàng thủy sản	331	112	779.500.000	779.500.000
....	...	....	....	...	...	...	...
			<b>Cộng lũy kế</b>			<b>137.155.745.883</b>	<b>137.155.745.883</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 15: Sổ cái tài khoản 331**

Công ty CP khai thác và DVKT thủy sản Hạ Long  
 Địa chỉ: Số 409 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô  
 Quyền, thành phố Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN  
 ( Ban hành theo TT số  
 200//2014/TT-BTC ngày  
 22/12/2014 của bộ tài chính)

**SỔ CÁI**

Năm 2018

Tên TK: 331- Phải trả người bán

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			<b><u>5.703.788.809</u></b>
	....	...	.....	....	...	....
02/10	HĐ 0000947	02/10	Mua cá nục đông lạnh nguyên con	1561		621.000.000
....	....	....	.....	....	.....	....
03/10	HĐ 0000480	03/10	Mua thùng carton 3 lớp	1561		779.500.000
...	....	....	.....	.....	.....	...
04/10	UNC 0120	04/10	Thanh toán tiền mua hàng thủy sản	112	621.000.000	
14/10	UNC 0136	14/10	Thanh toán tiền mua hàng thủy sản	112	779.500.000	
	.....	....	.....	.....	.....	.....
			Số phát sinh		141.086.266.513	137.155.745.883
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b><u>1.773.268.179</u></b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
 (Ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, ghi họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
 (Ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 16: Sổ chi tiết phải trả người bán:**

Mẫu số: S13-DN  
( Ban hành theo TT số  
200//2014/TT-BTC ngày  
22/12/2014 của bộ tài chính)

**Đơn vị:** Công ty CP khai thác và DVKT thủy sản Hạ Long

**Địa chỉ:** Số 409 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, tp Hải Phòng.

**SỔ CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Tài khoản: 331

Đối tượng: Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Hạ Long 86

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	THCK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>SDDK</b>						<b>0</b>
....	.....	....	....	....	.....	.....	.....	.....	...
02/10	HĐ0000947	02/10	Mua cá nụcđông lạnh nguyên con	1561			621.000.000		272.160.000
.....	....	.....	.....	....	...	..	.....	....	....
04/10	UNC 0120	04/10	Thanh toán tiền hàng	112		621.000.000			
.....	....	.....	.....	.....	...	..	.....	....	....
01/11	HĐ 0000953	01/11	Mua cá nụcđông lạnh nguyên con	1561			958.500.000		457.280.000
.....	....	.....	.....	....	....	.....	.....	....	...
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>2.400.000.000</b>	<b>3.405.415.000</b>		
			<b>SĐCK</b>						<b>1.005.415.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị:** Công ty CP khai thác và DVKT thủy sản Hạ Long

**Địa chỉ:** số 409 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, tp Hải Phòng.

Mẫu số: S13-DN  
( Ban hành theo TT số  
200//2014/TT-BTC ngày  
22/12/2014 của bộ tài chính)

**SỔ CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Tài khoản: 331

Đối tượng: Công ty cổ phần chế biến thủy sản Hạ Long

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Thời hạn C/K	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>SDDK</b>						-
....	.....	....	....	....	....	....	....	....	...
03/10	HĐ 0000480	03/10	Mua mực đông lạnh nguyên con và mực ống đông lạnh	1561			779.500.000		779.500.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	....
14/10	UNC 0136	14/10	Thanh toán tiền hàng	112		779.500.000			0
.....	....	.....	....	....	....	....	....	....	...
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>3.497.194.500</b>	<b>4.221.234.500</b>		
			<b>SDCK</b>						<b>724.040.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 17: Trích bảng tổng hợp phải trả người bán**

**Đơn vị:** Công ty CP khai thác và DVKT thủy sản Hạ Long

**Địa chỉ:** số 409 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, tp Hải Phòng.

**BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

**Tài khoản: Phải trả người bán**

**Năm 2018**

Đơn vị tính: VNĐ

Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
....	...	.....	.....	.....	...	.....
Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Hạ Long 86			2.400.000.000	3.405.415.000		1.005.415.000
Công ty cổ phần chế biến thủy sản Hạ Long			3.497.194.500	4.221.234.500		724.040.000
Công ty TNHH Vinh Huy Phát			2.850.000.000	2.850.000.000		0
.....	...	.....	.....	.....	....	.....
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.703.788.809</b>	<b>141.086.266.513</b>	<b>137.155.745.883</b>		<b>1.773.268.179</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### CHƯƠNG 3

## GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ DỊCH VỤ KHAI THÁC THỦY SẢN HẠ LONG

### 3.1 Đánh giá thực trạng thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long.

Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long là một công ty đang hoạt động trong lĩnh vực thu mua thủy sản, chế biến thủy sản Xuất khẩu, thủy sản nội địa, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm và xuất nhập khẩu hàng hóa. Hiện nay, doanh nghiệp đã và đang có những bước phát triển tốt hơn về thương mại, mở rộng hơn về quy mô và nhà cung cấp cùng với khách hàng. Do đó, công tác kế toán về công nợ với các nhà cung cấp và khách hàng đang được dần hoàn thiện hơn.

Về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long đều có những ưu và nhược điểm, trong đó kế toán cần phát huy những mặt mạnh và tìm các khắc phục những mặt yếu để công tác quản lý tài chính đạt hiệu quả tốt nhất cho doanh nghiệp.

Sau thời gian thực tập tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long, em đưa ra một số nhận xét sau:

#### 3.1.1. Ưu điểm.

**-Cơ cấu công tác bộ máy quản lý:**

+ Bộ máy công tác khá gọn nhẹ nên rất phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình.

+ Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin một cách nhanh chóng và kịp thời.

+ Đội ngũ cán bộ, công nhân viên làm việc tốt, năng động, tử mĩ, có tinh thần trách nhiệm cao và cán bộ luôn quan tâm đến các công, nhân viên.

**-Bộ máy kế toán:** Bộ máy kế toán của công ty được công tác hợp lý với sự phân công nhiệm vụ rõ ràng. Đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm đều có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm, không ngừng nâng cao bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, cung cấp các thông tin cho ban lãnh đạo ra những quyết định đúng đắn kịp thời.

**-Hệ thống sổ sách:** Công ty sử dụng hình thức sổ kế toán là hình thức sổ Nhật Ký Chung, hình thức này khá phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty. Hình thức này tương đối đơn giản, dễ hiểu. Các sổ sách, bảng biểu được công ty ghi chép đầy đủ cẩn thận, hạch toán rõ ràng theo quy định của Bộ Tài Chính, tạo điều kiện cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế với số liệu trên sổ sách.

**-Hệ thống chứng từ và luân chuyển chứng từ:** Công ty đã áp dụng đầy đủ các chứng từ bắt buộc do Bộ Tài Chính ban hành. Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán công ty sử dụng nhìn chung phù hợp với đặc điểm của công ty, phần nào đáp ứng được nhu cầu quản lý.

**-Hệ thống tài khoản:** Hiện nay công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán.

**-Hạch toán kế toán thanh toán:** Công tác kế toán thanh toán luôn được hoàn thành đúng lúc. Công ty đã sử dụng sổ chi tiết để theo dõi công nợ của các đối tượng: người mua, người bán. Theo dõi như vậy giúp cho việc hạch toán tổng hợp một cách nhanh chóng, kịp thời. Kế toán có thể cung cấp cho nhà quản lý những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty, nhà quản lý có thể nắm bắt được tình hình tài chính của công ty và hoạch định chiến lược phù hợp cho công ty.

Phương thức thanh toán được áp dụng trong công ty khá đa dạng như: tiền mặt, chuyển khoản,..., tùy theo đối tượng khách hàng và đặc điểm riêng của đơn hàng mà công ty sẽ áp dụng phương thức thanh toán khác nhau.

### **3.1.2 Hạn chế.**

Bên cạnh những kết quả đạt được về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng, công ty vẫn còn tồn tại những thiếu sót nhất định cần được hoàn thiện để đem lại những kết quả tốt hơn.

- Chưa lập biên bản đối chiếu công nợ dẫn đến không kiểm soát được tình hình thanh toán giữa Công ty với khách hàng có thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng kinh tế đã ký kết chưa? số nợ lại đã đúng với tính toán thực tế chưa?

+ Trong công tác kế toán vẫn chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán sớm. Do đó vẫn chưa khuyến khích được khách hàng thanh toán sớm ảnh hưởng đến khả năng quay vòng vốn lưu động của công ty.

+ Hiện công ty có một số khách hàng nợ quá hạn nhưng công ty chưa lập đủ dự phòng phải thu khó đòi dẫn đến ảnh hưởng không tốt đến tình hình tài



chính. Công ty cổ phần khai thác và Dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long có thể tham khảo về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo TT 200/2014TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014.

+ Hiện công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán trong công tác hạch toán mà vẫn sử dụng excel để làm việc, điều này dẫn đến công việc kế toán còn mất nhiều thời gian và sai sót.

### **3.2 Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long.**

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển. Đối với các doanh nghiệp đây không chỉ là một cơ hội mà còn là một thách thức đối với doanh nghiệp. Đòi hỏi doanh nghiệp phải nỗ lực phấn đấu. Trong các năm gần đây, nước ta đã không ngừng đẩy mạnh hoàn thiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam nhằm giảm bớt khoảng cách khác biệt giữa kế toán Việt Nam với kế toán thế giới, tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp hội nhập và phát triển.

Vì vậy công ty phải không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán thanh toán của mình.

#### **3.2.1 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán.**

Để có thể hoàn thiện công tác thanh toán với người mua, người bán tại công ty thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

+ Hoàn thiện công tác kế toán phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành. Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua các công cụ kinh tế vĩ mô, để có thể tồn tại và phát triển thì doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh phải chấp hành đầy đủ các quy định nhà nước ban hành. Doanh nghiệp phải tuân thủ chính sách chế độ kế toán thì thông tin kế toán mới thống nhất, việc kiểm tra kiểm soát của nhà nước mới có thể thực hiện được. Các thông tin kế toán được lập dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định này sẽ giúp cho việc thu thập thông tin kế toán có chất lượng và khoa học, hữu ích cho quá trình phân tích, đánh giá và kiểm tra hoạt động của công ty.

+ Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán phải đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, kịp thời, chính xác các hoạt động tài chính của công ty. Để không xảy ra tình trạng không cung cấp đủ thông tin kịp thời khi nhà quản lý cần cũng như các đối tượng quan tâm khác.

+ Các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán muốn thực hiện được cần đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả. Bất kỳ một giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán nào đưa ra cũng phải tính đến những chi phí bỏ ra cũng như chi phí lương nhân viên, chi phí tài chính và những hiệu quả mang lại từ việc áp dụng nó. Chỉ khi nào hiệu quả lớn hơn chi phí thì lúc đó phương án mới được thực hiện.

### **3.2.2 Nội dung và các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần khai thác và DV khai thác thủy sản Hạ Long.**

#### **3.2.2.1 Giải pháp 1: Lập biên bản đối chiếu công nợ cho từng khách hàng.**

Đối chiếu công nợ định kỳ diễn ra vào cuối tháng nhằm giúp cho công ty quản lý chặt chẽ, không bỏ sót các khoản nợ đối với người mua, người bán và theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch đôn đốc các khoản công nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch thanh toán các khoản nợ phải trả tránh để nợ quá dài hạn.

Với công nợ phải trả cho công ty có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi biên bản đối chiếu công nợ.

Với công nợ phải thu, công ty có thể tham khảo biên bản đối chiếu công nợ cho khách hàng theo mẫu sau:

**BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ**

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế,
- Căn cứ vào thỏa thuận giữa hai bên.

Hôm nay, ngày .... tháng ..... năm ..... Tại văn phòng Công ty ....., chúng tôi gồm có:

**1. Bên A (Bên bán): CÔNG TY CP KHAI THÁC VÀ DVKT THỦY SẢN HẠ LONG**

- Địa chỉ: 409 Lê Lai, p Máy Chai, q Ngô Quyền, tp. Hải Phòng
- Đại diện: Nguyễn Huy Hải Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- MST: 0200145820.

**2. Bên B (Bên mua): .....**

- Địa chỉ: .....
- Đại diện: ..... Chức vụ: .....
- MST: .....

Cùng nhau đối chiếu công nợ từ ngày ..... đến ..... cụ thể như sau:

**• Đối chiếu công nợ:**

STT	Diễn giải	Số tiền

*(Bảng chữ: .....)*

**• Chi tiết công nợ:**

- .....
- .....
- .....
- .....

**3. Kết luận:** Tính đến hết ngày ..... Công ty ..... còn phải thanh toán cho Công ty CP khai thác và DVKT Thủy sản Hạ Long số tiền là: ..... đồng.

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

Ví dụ: Biên bản đối chiếu công nợ với Công ty TNHH Nhà hàng ẩm thực Hàn Quốc

**CÔNG TY CP KHAI THÁC VÀ  
DVKT THỦY SẢN HẠ LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

*Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018*

**BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ**

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế,
- Căn cứ vào thỏa thuận giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2018 Tại văn phòng Công ty CP khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long, chúng tôi gồm có:

**1. Bên A (Bên bán): CÔNG TY CP KHAI THÁC VÀ DVKT THỦY SẢN HẠ LONG**

- Địa chỉ: 409 Lê Lai, p Máy Chai, q Ngô Quyền, tp. Hải Phòng
- Đại diện: Nguyễn Huy Hải Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- MST: 0200145820.

**2. Bên B (Bên mua): CÔNG TY TNHH NHÀ HÀNG ẨM THỰC HÀN QUỐC**

- Địa chỉ: Số 279 Văn Cao, P. Đằng Lâm, Q. Hải An, TP. Hải Phòng.
- Đại diện: Trịnh Trung Kiên Chức vụ: Giám đốc
- MST: 0201749871

Cùng nhau đối chiếu công nợ từ ngày 01/1/2018 đến 31/12/2018 cụ thể như sau:

• **Đối chiếu công nợ:**

STT	Diễn giải	Số tiền
1	Số dư đầu kỳ	0
2	Số phát sinh tăng trong kỳ	39.746.000
3	Số phát sinh giảm trong kỳ	
4	Số dư cuối kỳ	39.746.000

*(Bảng chữ: Ba mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng chẵn)*

• **Chi tiết công nợ:**

- Hóa đơn GTGT số 0000458, ký hiệu AA/17P do Công ty xuất ngày 01/9/2018 số tiền: 19.846.000 đồng (chưa thanh toán).
- Hóa đơn GTGT số 0000470, ký hiệu AA/17P do Công ty xuất ngày 10/9/2018 số tiền 19.900.000 đồng (chưa thanh toán).

**3. Kết luận:** Tính đến hết ngày 31/12/2018 Công ty TNHH Nhà hàng ẩm thực Hàn Quốc còn phải thanh toán cho Công ty CP khai thác và DVKT Thủy sản Hạ Long số tiền là: 39.746.000 đồng (Ba mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**3.2.2.2 Giải pháp 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.**

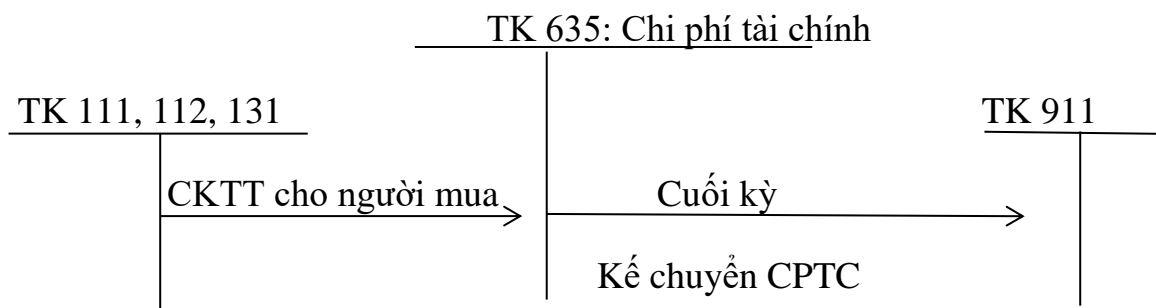
Hiện nay Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng thanh toán nợ trước hạn. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và thu hồi vốn được nhanh, công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán chưa có quy định thống nhất của Bộ Tài Chính. Vì vậy, mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty dựa trên tình hình của công ty, lãi suất tiền gửi thanh toán tại ngân hàng doanh nghiệp mở tài khoản và cũng có thể tham khảo một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán nên được chia thành nhiều mức căn bản vào số ngày mà khách hàng thanh toán sớm và phải được ghi nhận cụ thể trong hợp đồng kinh doanh được ký kết giữa hai bên, đây cũng là điều kiện cần và đủ để làm căn cứ thực hiện chiết khấu thanh toán đối với mỗi khách hàng.

✓ Tài khoản sử dụng: TK 635- Chi phí tài chính

**Sơ đồ 3.1: Sơ đồ trình tự hạch toán chiết khấu thanh toán.**



- ✓ Phương pháp hạch toán:
  - + Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:
    - Nợ TK 635: Chi phí tài chính
    - Có TK 111,112,131...
  - + Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911:
    - Nợ TK911: Xác định kết quả kinh doanh
    - Có TK 635: Chi phí tài chính

Năm 2018 Doanh nghiệp chủ yếu giao dịch qua tài khoản ngân hàng BIDV. Tại thời điểm này mức lãi suất cho vay là 10%/ năm, mức lãi suất gửi tiết kiệm tại ngân hàng BIDV là 6,5%/năm

Để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm, doanh nghiệp nên chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán cao hơn mức lãi suất gửi tiết kiệm xong không được vượt quá mức lãi suất cho vay của ngân hàng. Doanh nghiệp nên chọn tỉ lệ chiết khấu thanh toán là 8%/ năm dựa theo lãi suất ngân hàng BIDV.

✓Chiết khấu thanh toán được hưởng = Tổng số tiền thanh toán trước hạn x Tỷ lệ chiết khấu x Số ngày thanh toán trước hạn.

**Ví dụ minh họa:**

Ngày 02/10/2018 xuất hàng hóa bán cho Công ty CP thương mại đầu tư và phát triển Mạnh Hà với tổng giá trị 245.340.000 đồng. Công ty Mạnh Hà đã thanh toán bằng chuyển khoản ngày 30/10/2018. Mặc dù theo hợp đồng ngày 20/11/2018 Công ty Mạnh Hà mới phải thanh toán tiền hàng. Do thanh toán sớm trước 21 ngày. Kế toán tính chiết khấu thanh toán cho Công ty Mạnh Hà như sau:

$$\Rightarrow \text{Tiền chiết khấu} = (8\%/360) \times 21 \times 245.340.000 = 1.144.920 \text{đồng}$$

Định khoản:

Nợ TK 635: 1.144.920

Có TK 111: 1.144.920

**3.2.2.3 Giải pháp 3: Lập dự phòng phải thu khó đòi.**

Hiện nay, chiếu theo điều kiện của việc lập dự phòng phải thu khó đòi, Công ty CP khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long chưa khai lập dự phòng. Nhưng để kiểm soát được nguồn tài chính của công ty, tránh được tổn thất do các khoản nợ khó đòi có thể xảy ra. Sau đây em xin đưa ra các điều kiện cũng như cách thức lập phòng phải thu khó đòi theo quy định của nhà nước như sau:

✓**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

✓**Tác dụng dự phòng phải thu khó đòi:** việc lập dự phòng phải thu khó đòi giúp công ty có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất về khoản nợ khó đòi có thể xảy ra trong năm kế hoạch nhằm đảm bảo toàn vốn kinh doanh, đảm bảo cho công ty phản ánh đúng giá trị các khoản nợ phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

✓**Điều kiện lập dự phòng:** Doanh nghiệp có thể lập dự phòng phải thu khó đòi khi các khoản nợ có điều kiện như sau:

+ Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền bao gồm: Hợp đồng kinh tế, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

+ Các khoản nợ không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

**✓Mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi doanh nghiệp có thể áp dụng :**

+ DN phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên.

+ Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

+ Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng công tác kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn hoặc đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết...thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

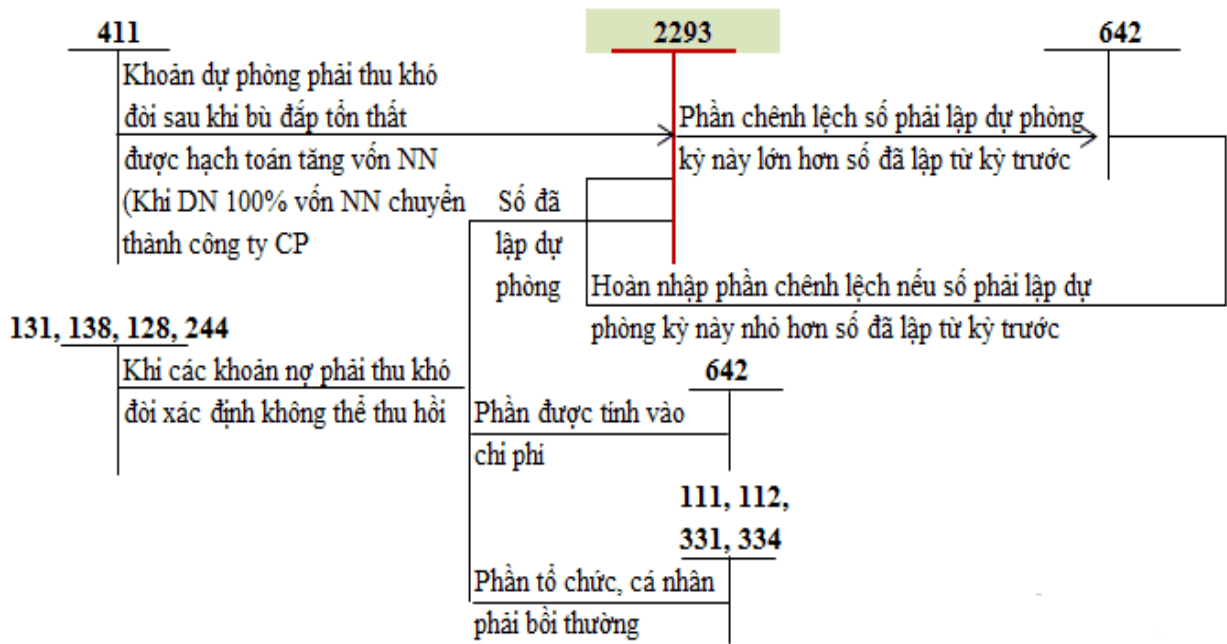
**✓Tài khoản sử dụng:** TK 229: Dự phòng tổn thất tài sản.

TK 2293: Dự phòng phải thu khó đòi.

**✓Kết cấu tài khoản:**

<b>Bên Nợ</b>	<b>Bên Có</b>
- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết. - Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra. - Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.	Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
	<b>Số dư bên có:</b> Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

**Sơ đồ 3.2: sơ đồ trình tự hạch toán dự phòng phải thu khó đòi TT200**





**Biểu số 18: Báo cáo tình hình công nợ năm 2018.**

**Đơn vị:** Công ty CP khai thác và DVKT thủy sản Hạ Long

**Địa chỉ:** Số 409 Lê Lai, phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, tp Hải Phòng

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2018**

Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

<b>STT</b>	<b>Tên công ty</b>	<b>Công nợ với KH</b>	<b>Thời hạn thanh toán</b>	<b>Thời hạn quá hạn</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Công ty TNHH Đầu tư PT SX TM Phương Anh	20.000.000	30/11/2017	1 năm 1 tháng	
2	Doanh nghiệp tư nhân Minh Trường	9.850.000	31/05/2018	7 tháng	
3	Công ty TNHH TM DV thực phẩm An Hà	15.600.000	31/12/2017	1 năm	
4	Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Minh Phương	11.400.000	31/12/2016	2 năm	
....	.....	.....	.....	.....	.....
	<b>Tổng cộng</b>	<b>16.532.475.631</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 19: Bảng trích lập dự phòng năm 2018.**

**Đơn vị:** Công ty CP khai thác và DVKT thủy sản Hạ Long

**Địa chỉ:** Số 409 Lê Lai, phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, tp Hải Phòng

**BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên công ty	Công nợ với KH	Thời gian quá hạn	Mức trích lập	Số tiền	Ghi chú
1	Công ty TNHH Đầu tư PT SX TM Phương Anh	20.000.000	1 năm 1 tháng	50%	10.000.000	
2	Doanh nghiệp tư nhân Minh Trường	9.850.000	7 tháng	30%	2.955.000	
3	Công ty TNHH TM DV thực phẩm An Hà	15.600.000	1 năm	50%	7.800.000	
4	Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Minh Phương	11.400.000	2 năm	70%	7.980.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>56.850.000</b>			<b>28.735.000</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

Định khoản đối với bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Nợ TK 6422: 28.735.000

Có TK 2293: 28.735.000

### **3.2.2.4 Giải pháp 4: Sử dụng phần mềm kế toán.**

Phần mềm kế toán là một hệ thống được công tác dưới dạng chương trình máy tính. Khi thực hiện phần mềm mang lại các báo cáo tài chính, báo cáo chi tiết theo quy định hiện hành của kế toán doanh nghiệp. Phần mềm có nhiều dạng khác nhau.

Phần mềm kế toán số liệu đầu vào là các chứng từ, số liệu do người dùng lập, dựa vào các thủ tục, quy trình có sẵn phần mềm kế toán sẽ xử lý và đưa ra các báo cáo một cách chính xác và hiệu quả, giúp người dung tiết kiệm thời gian và chi phí.

+ **Tiết kiệm thời gian:** Là khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán, kế toán sẽ không phải tốn quá nhiều thời gian như sử dụng hệ thống kế toán cũ. Phần mềm được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết được tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và thao tác in.

+ **Chính xác:** tính chính xác của phần mềm kế toán khá cao và hiếm khi xảy ra lỗi. Sai sót chỉ xảy ra khi người nhập số liệu nhập sai số liệu hoặc sai thông tin ban đầu.

Hầu hết các phần mềm kế toán đều có phần hỗ trợ hướng dẫn cách sử dụng toàn bộ quy trình nhập liệu thông tin khách hàng và nhân viên. Một khi nắm được cách làm, bạn không cần xem lại phần hỗ trợ này nữa và mọi thao tác sẽ nhanh hơn. Hình thức hướng dẫn này giúp giảm thiểu sai sót và giúp cải thiện chất lượng sổ sách kế toán của doanh nghiệp

+ **Dễ sử dụng:** Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và lập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng một cách dễ dàng.

Một khi chương trình đã được cài đặt, doanh nghiệp có thể điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thiết thực của mình. Các phần mềm kế toán đều có chức năng lưu trữ các báo cáo với các mục đích khác nhau, theo dõi công nợ, thanh toán cho nhà cung cấp và quản lý bảng lương chỉ trong 5 phút.

+ **Báo cáo:** Một trong những điều tuyệt vời nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là khả năng tạo các bản báo cáo bất kỳ theo ý muốn của doanh nghiệp trong thời gian nhanh nhất. Bạn có thể tạo ra báo cáo chỉ trong vòng vài giây, đây là một cải tiến rất lớn so với phương thức truyền thống với bảng biểu và những phép tính. Các báo cáo có thể xuất ra file Excel hoặc Word để sử dụng lập báo

cáo tài chính hàng năm. Đặc biệt, các phần mềm kế toán cho phép lập các báo cáo theo ý muốn và phần mềm sẽ tự động lên báo cáo phù hợp với thời gian theo ý muốn của người sử dụng.

**+ Tác dụng của phần mềm đến quản lý công nợ:** Cho phép quản lý công nợ chi tiết đến từng khách hàng/nhà cung cấp, từng hóa đơn phải thu/phải trả và từng hợp đồng mua/bán. Việc phân bổ số tiền thanh toán cho các hóa đơn có thể thực hiện tự động hoặc trực tiếp cho từng hoá đơn. Cho phép xử lý giảm trừ công nợ chi tiết theo hóa đơn trong trường hợp hàng bán bị trả lại, giảm giá, chênh lệch tỷ giá, tạm ứng trước tiền hàng và các giảm trừ khác. Cho phép theo dõi chi tiết công nợ cho từng món vay mượn, từng lần tạm ứng...

Giúp doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ bán hàng từ việc báo giá, tiếp nhận đơn hàng, hợp đồng của khách hàng đến việc tiếp nhận hóa đơn sản phẩm, chiết khấu, giảm giá,. Phần mềm cho phép doanh nghiệp quản lý tình hình sử dụng hóa đơn, in hóa đơn trực tiếp từ phần mềm, tuân thủ các quy định về phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn. Giám đốc và kế toán dễ dàng quản trị tình hình bán hàng theo từng chi nhánh, phòng kinh doanh, nhân viên kinh doanh hoặc báo cáo bán hàng theo sản phẩm, nhóm sản phẩm, thị trường.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều loại phần mềm kế toán như: MISA, ACOUTING, ESOFTE FINANCIALS. Công ty CP khai thác và Dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long là doanh nghiệp vừa nên có thể sử dụng các phần mềm kế toán sau: Misa, Fast Accounting,...



+ Là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, hóa đơn, hóa đơn điện tử, thuế, kho, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, tiền lương, giá thành, hợp đồng, ngân sách, tổng hợp.

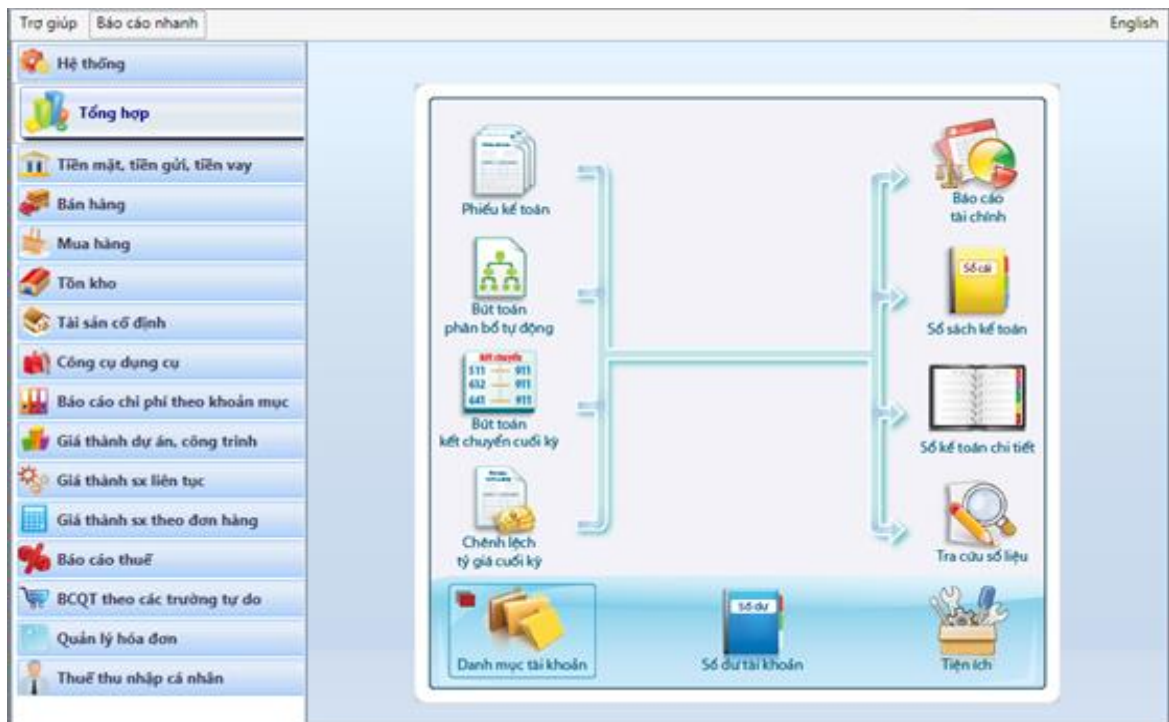
+ Phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại, Dịch vụ, Sản xuất...

+ Phần mềm kế toán phiên bản mới MISA SME.NET 2019 với ứng dụng mobile giúp cho các nhà lãnh đạo như kế toán trưởng, Giám đốc, Tổng giám đốc... có thể dễ dàng nắm bắt tình hình tài chính, kế toán về doanh thu, chi phí, lãi lỗ, tiền mặt, tiền gửi của doanh nghiệp ngay tức thì và điều hành, quản lý doanh nghiệp mọi lúc mọi nơi. Phần mềm được bổ sung tính năng như: Hướng dẫn quyết toán báo cáo tài chính giúp hỗ trợ kế toán tiết kiệm thời gian và công sức trong việc quyết toán báo cáo tài chính cuối năm. Tự động phát hiện các sai lệch trên chứng từ, sổ sách, báo cáo và hướng dẫn cách thức xử lý theo đúng quy định. Gợi ý những sai sót thường gặp trên báo cáo tài chính để kế toán chủ động kiểm tra, khắc phục. Cung cấp đầy đủ bộ báo cáo tài chính

theo đúng quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC, 133/2016/TT-BTC và tự động tổng hợp số liệu lên báo cáo tài chính.

+Giá phần mềm khoảng từ 2.950.000- 12.950.000 triệu đồng (Tùy thuộc vào gói mua).

**Phần mềm kế toán Fast Accounting: <http://www.fast.com.vn/>**



+ Là phần mềm tốt nhất dành cho tính giá thành và báo cáo quản trị. Có 1 phân hệ thống và 14 phân hệ nghiệp vụ đáp ứng đầy đủ về kế toán, thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Có thể hạch toán với mô hình phức tạp như nhiều đơn vị cấp dưới, nhiều bộ phận hạch toán, nhiều ngoại tệ. Luôn được cập nhật các thông tư về kế toán và thuế của Bộ tài chính và sổ sách kế toán theo đúng quy định.

+ Tập chung vào nâng cao tốc độ xử lý khi thực hiện giao dịch, xử lý và tính toán cuối kỳ cũng như lên báo cáo giúp người sử dụng làm việc với tốc độ nhanh nhất.

+ Giá phần mềm khoảng từ 6.000.000 - 12.000.000 triệu đồng (tùy thuộc vào gói mua).

Hai phần mềm trên đều phù hợp với doanh nghiệp vừa và nhỏ đồng thời là công cụ đắc lực trong kế toán nói chung và công tác quản lý công nợ của doanh nghiệp nói riêng.

Để biết thêm cụ thể hơn về phần mềm, doanh nghiệp có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hiện nay quản lý công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán là một vấn đề gây đau đầu cho những người làm sản xuất và kinh doanh, dù muốn hay không doanh nghiệp vẫn luôn phải đối mặt với nó, ví dụ như làm thế nào để thu hồi công nợ không những đúng, kịp thời mà còn ngăn ngừa được những rủi ro tiềm ẩn có thể dẫn đến tình trạng nợ xấu, nợ khó đòi mà vẫn giữ được mối quan hệ tốt đẹp giữa hai bên... Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán nhằm quản lý tốt công nợ luôn là mối quan tâm lớn của doanh nghiệp.

Đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long”** đã hệ thống hóa lý luận chung về kế toán thanh toán trong các doanh nghiệp, mô tả được thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long, giúp đưa ra được một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán thanh toán. Tăng cường quản lý công nợ, áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán, trích lập dự phòng phải thu khó đòi cũng như đưa các phần mềm kế toán vào sử dụng.

Trên cơ sở đưa ra các ưu, nhược điểm trong việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long, bài viết đã đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói trên tại công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long như sau:

- + Kiến nghị về việc lập biên bản đối chiếu công nợ cho từng khách hàng.
- + Kiến nghị về áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán
- + Kiến nghị về việc lập dự phòng phải thu khó đòi
- + Kiến nghị về áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán.

Sau quá trình đọc lập, nghiên cứu tại trường và một thời gian thực tập tại Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long đã giúp em hiểu rõ hơn về những lý luận đã học, đồng thời biết được việc ứng dụng lý luận đó vào thực tế như thế nào. Tuy nhiên, với thời gian và kiến thức còn hạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự góp ý



của các thầy cô giáo và các anh chị kế toán viên để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin cảm ơn cô giáo **Th.S Trần Thị Thanh Phương** cùng các anh chị làm việc tại phòng kế toán Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long đã nhiệt tình giúp đỡ và hướng dẫn em trong việc hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

---

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. PGS.TS. Nguyễn Xuân Hưng (2015), *Giáo trình kế toán tài chính (Quyển 1)*, Nhà Xuất Bản Kinh Tế TPHCM.
2. GS.TS Đặng Thị Loan (2013) , *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp* , Nhà xuất bản Đại học Kinh Tế Quốc Dân .
3. Thông Tư 200/2014/TT-BTC
4. Tài liệu kế toán (2018) , Công Ty *CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ DỊCH VỤ KHAI THÁC THỦY SẢN HẠ LONG*